### **UNIT 2: THE GENERATION GAP**

### **A.** VOCABULARY

ST	WORDS/ PHRASES	MEANING	
Т			
GE1	TING STARTED		
1.	- generation (n):	- ˌʤɛnəˈreɪʃən :	thế hệ
	<pre>- generation (n) =</pre>	- ˌʤɛnəˈreɪʃən = <u>prə</u>	sự sản xuất (điện)
	production (n)	<u>'d∧k∫ən</u>	sản xuất (điện), đưa ra (ý
	<pre>- generate (v) + (electricity/</pre>	- 'dʒɛnəˌreɪt	kiến), tạo ra (lợi nhuận)
	idea/ money) = produce/	= <u>'proʊdus</u> / kri'eɪt	
	create		
2.	- gap (n):	- gæp :	khoảng cách, sự khác biệt
	<ul><li>close the gap = bridge the</li></ul>	- kloʊs ðə gæp = brɪʤ ðə	thu hẹp khoảng cách
	gap:	gæp:	khoảng cách về giới
	- gender gap:	- ˈʤɛndər gæp:	khoảng cách thế hệ
	- generation gap:	- ˌʤɛnəˈreɪʃən gæp:	khoảng cách về tiền lương
	- wage gap = pay gap:	- weɪʤ gæp = peɪ gæp:	
3.	- behavior (n)	- bɪˈheɪvjər	cách cư xử
	- behave (v) > < misbehave	- bɪˈheɪv > < ˌmɪsbə	cư xử >< cư xử không đúng
	(v):	'heɪv :	cư xử tốt >< cư xử tệ
	- well-behaved (a) > <	- wɛl-bɪ'heɪvd > < 'bædli-	
	badly-behaved (a):	bɪˈheɪvd :	
4.	- difference + in/ between	- 'dɪfərəns + ɪn/ bɪ'twin	sự khác biệt
	- tell the difference	- tɛl ðə ˈdɪfərəns	chỉ ra sự khác biệt
	- make a difference to st	- meɪk ə 'dɪfərəns tʊ	tạo nên sự khác biệt với, ảnh
	- differ (v) + from	- 'dɪfər + frʌm	hưởng
	= be different (a) + from	= bi 'dɪfərənt + frʌm	khác so với
	- a far cry from	- ə far kraı fr∧m	
	= be completely different	= bi kəm'plitli 'dıfərənt	khác xa với, hoàn toàn khác
	from	fr∧m	với
	= apples and oranges	= 'æpəlz ənd 'ɔrəndʒəz	
	= chalk and cheese	= ʧak ənd ʧiz	
	- differentiate (v) =	- dɪfəˈrɛnʃiˌeɪt = dɪ	
	distinguish (v) (between a	'stɪŋgwɪʃ	phân biệt (giữa a và b)
	and b)		
5.	- belief (n)	- bɪˈlif	sự tin tưởng
	- believe (v)	- bɪˈliv	tin tưởng
6.	- argue (v) with sb = quarrel	- 'argju = 'kwɔrəl = roʊ	cãi nhau
	with sb		
	= row with sb	- = <u>həv</u> ən 'argjəmənt	
	- = have an argument with	- = <u>həv</u> ə 'kwɔrəl	
	sb	- = <u>həv</u> ə roʊ	
	- = have a quarrel with sb		
	<u>-</u>		

	- = have a row with sb	_		
7.	- argument (n)	- 'argjəmənt	cuộc cãi vã, sự tranh cãi	
	<pre>- # debate (n) = discussion</pre>	- # də'beɪt = dı'sk∧∫ən	cuộc tranh luận, thảo luận	
	(n)	- # 'kantrəˌvɜrsi	vấn đề gây tranh cãi	
	<ul><li># controversy (n)</li></ul>			
8.	- extended family	- <u>ık'stεndəd</u> <u>'fæməli</u>	gia đình nhiều thế hệ, đại gia	
	- # nuclear family	- # 'nukliər <u>'fæməli</u>	đình	
			# gia đình chỉ có bố mẹ và	
			con	
9.	- extend (v)	- ɪk'stɛnd	mở rộng, kéo dài (thời gian;	
	- extension (n):	- ɪkˈstɛnʃən :	k/c)	
	- extensive (a) # intensive	- ık'stɛnsıv # ın'tɛnsıv	sự mở rộng, kéo dài	
	(a)		rộng # tập trung, chuyên sâu	
10.	- hold/ have/ take a + adj +	- hoʊld/ hæv/ teɪk eɪ +	có suy nghĩ, quan điểm ntn	
	view about st	vju ə'baʊt	về vấn đề gì	
11.	- gender (n)	- ˈdʒɛndər	giới tính	
	- male (a) (n)	- meil	nam giới	
	- female (a) (n)	- 'fi,meɪl	nữ giới	
	- want sb to v	- want	muốn ai làm gì	
14.	- want to v		muốn làm gì	
1 -		- want	_	
	- hope to v	- hoʊp	hy vọng làm gì	
16.	- do housework	- dซ 'haซ <sub>ı</sub> swɜrk	làm việc nhà	
	= do household chores	= dʊ 'haʊsˌhoʊld ʧɔrz		
17.	- follow one's dream	- 'faloʊ wʌnz drim	theo đuổi ước mơ	
	- realize/ fulfil one's dream	- 'riəˌlaɪz/ fulfil wʌnz drim	thực hiện ước mơ	
18.	- force sb to v	- fors	ép buộc ai làm gì	
19.	<ul> <li>follow in one's footsteps</li> </ul>	- 'faloʊ ɪn wʌnz 'fʊtˌstɛps	nối nghiệp ai	
20.	- share st with sb	- ∫εr	chia sẻ điều gì với ai	
21.	<ul><li>respect (n) &gt;&lt; disrespect</li></ul>	- rɪ'spεkt >< ˌdɪsrɪ'spεkt	sự tôn trọng >< sự bất kính	
	(n)	- rɪˈspɛkt = ʃoʊ rɪˈspɛkt	tôn trọng ai	
	<pre>- respect (v) sb = show</pre>	for		
	respect FOR	= lok γρ to	không tôn trọng, coi thường ai	
	= look up to sb	->< ˌdɪsrɪˈspεkt = lʊk	tôn trọng ai	
	<pre>- &gt;&lt; disrespect (v) sb = look</pre>	daʊn ɑn	đáng kính trọng,	
	down on sb	- bi rɪˈspɛktfəl tʊ	tương ứng	
	- be respectful TO sb	- rɪ'spɛktəbəl	khía cạnh	
	- respectable (a)	- rɪˈspɛktɪv	xét về điều gì, xét về khía	
	- respective (a)	- rɪˈspεkt = ˈæˌspεkt	cạnh	
	<pre>- respect (n) = aspect (n)</pre>	- ri'spεktɪŋ = rə'gardɪŋ	>< không xét đến, bất chấp	
	<pre>- respecting (prep) =</pre>	- >< ɪrəˈspεktɪv ʌv = rə		
	regarding (prep)	'gardləs ʌv		
	<pre>- &gt;&lt; irrespective of =</pre>			
	regardless of			
		I .	I .	

22.	- live with sb	- līv	sống cùng với ai		
	- live in sw	- <u>lɪv</u> ɪn sw	sống ở đâu		
	- live on st (charity,)	- <u>lɪv an</u> ('ʧɛrɪti,)	sống nhờ vào (tiền trợ cấp)		
	<pre>- live up to st = come up to</pre>	$- \underline{I}\underline{v}$ $\wedge p t \sigma = k \wedge m \wedge p t \sigma$	đạt đến, đáp ứng (sự mong		
	st (expectation)		đợi)		
23.	- express (v)	- ɪk'sprɛs	bày tỏ, thể hiện		
	- expression (n)	- ɪkˈsprε∫ən	biểu cảm, sự thể hiện		
24.	- consist of = be made up of	- kən'sıst Λv = bi meɪd Λp	bao gồm		
	= be composed of	۸V			
	- = include (v) = comprise	= bi kəm'poʊzd ʌv			
	(v) = be comprised of	- = ɪnˈklud = kəmˈpraɪz			
		= bi kəm'praɪzd ʌv			
25.	- agreement (n)	- ə'grimənt	sự đồng tình, thống nhất ><		
	>< disagreement (n)	>< dɪsəˈgrimənt	sự bất đồng, không đồng ý		
LAN	IGUAGE				
26.	<pre>- tradition (n) = convention</pre>	- trəˈdɪʃən = kənˈvɛnʃən	truyền thống		
	(n)	- trə'dı∫ənəl = kən	thuộc về truyền thống		
	<pre>- traditional (a) =</pre>	'vɛnʃənəl			
	conventional (a) =	= 'kʌstəˌmɛri			
	customary (a)				
27.	- traditional view	- trə'dı∫ənəl vju	quan điểm truyền thống		
28.	- conflict (n) (v)	- 'kanflıkt	xung đột		
	- be in conflict with sb	- bi ın <u>'kanflıkt</u>	đang trong 1 xung đột với ai		
	- come into/ get into conflict	kʌm 'ɪntu/ gɛt 'ɪntə <u>'kanflı</u>	vướng mắc vào xung đột với		
	with sb	kt	ai		
29.	<pre>- characteristics (n) =</pre>	- ˌkɛrəktəˈrɪstɪks =	đặc điểm		
	quality (n) = feature (n)	'kwaləti			
		= 'fiʧər			
30.	- common (a) > <	- 'kamən > < ən'kamən	thông thường, phổ biến		
	uncommon (n)		>< không phổ biến		
31.	- cultural values	- 'kʌlʧərəl 'væljuz	giá trị văn hoá		
32.	- belong to sb/st	- bɪˈlɔŋ tʊ /	thuộc về		
33.	- special (a)	- ˈspɛʃəl	đặc biệt		
34.	- important (a) = vital (a) =	- ım'pɔrtənt = 'vaɪtəl =	quan trọng		
	crucial (a) = primary (a) =	'kruʃəl			
	chief (a) = imperative (a)	= 'praɪˌmɛri = ʧif = ɪm			
		'pɛrətɪv			
35.	- particular (a) = certain (a)	- pər'tıkjələr = 'sɜrtən =	riêng, cụ thể		
	= specific	spə'sıfık >< 'dʒɛnərəl	>< chung		
	>< general (a)	- pərˈtɪkjələr = ˈspεʃəl =	đặc biệt		
	- particular (a) = special =	ık'sεp∫ənəl > < 'ɔrdəˌnεri:	>< bình thường		
	exceptional	- ın pərˈtɪkjələr: > < ın	nói riêng ><. nhìn chung,		
	> < ordinary:	'dʒɛnərəl	nói chung		

	- in particular: > < in			
	general :			
36.	- exist (v)	- ıg'zıst	tồn tại	
	- existence (v)	- ɛgˈzɪstəns	sự tồn tại	
37.	- influence (v) = affect (v) =	- 'ɪnfluəns = ə'fɛkt =	ảnh hưởng	
	impact (v)	'ımpækt		
38.	- treat sb with st	- trit	đối xử với ai bằng thái độ ntn	
	- treat sb for st	- trit for	điều trị cho ai bệnh gì	
	- treat st with st	- trit	xử lý cái gì bằng chất hoá học	
			gì	
39.	- deal with ~ handle (v)	- dil wɪð ~ 'hændəl	xử lý, giải quyết, đương đầu	
	- social (a) # sociable (a)	- ˈsoʊʃəl # ˈsoʊʃəbəl	thuộc về xã hội # hoà đồng	
	- socialize (v)	- 'soʊʃəˌlaɪz	giao tiếp	
	- society (n)	- sə'saɪəti	xã hội	
41.	- economic (a)	- <u>₊ɛkə'namık</u>	thuộc về kinh tế	
	- economical (a)	- <u>¡ɛkə'namıkəl</u>	tiết kiệm	
	- economize (v) = tighten	- ɪˈkɑnəˌmaɪz	tiết kiệm	
	one's belt	= 'taɪtən wʌnz bɛlt	nền kinh tế	
	- economy (n)	- <u>ı'kanəmi</u>	kinh tế học	
	- economics (n)	- <u>¡ɛkə'namıks</u>		
42.	- condition (n)	- kən'dı∫ən	điều kiện, tình trạng	
43.	- breadwinner (n)	- 'brεˌdwɪnər	người trụ cột trong gia đình	
44.	- valuable (a) = invaluable	- 'væljəbəl = ın'væljəbəl	có giá trị	
	(a) = priceless (a)	= 'praɪsləs		
	- >< valueless = worthless	->< 'væljuləs = 'wɜrθləs	>< không có giá trị gì	
45.	- uniform (n)	- 'junə <sub>ı</sub> fɔrm	đồng phục	
46.	- rule (n) $\sim$ regulation (n)	- rul = ˌrɛgjəˈleɪʃən	quy định	
	- ~ legislation (n) ~ law (n)	= ˌlɛʤəˈsleɪʃən = <u>lɔ</u>	luật	
	- as a rule = usually,	əz ə rul = <u>'juzəwəli</u> , <u>'nɔrm</u>	như thường lệ	
	normally, ordinarily,	<u>əli</u> ,	- cai trị, chi phối, ra lệnh	
	customarily:	,ordə'nɛrəli, ˌkʌstə'mɛrəli:	- loại bỏ	
	- rule (v) = govern (v) =	- rul = 'gʌvərn		
	head = run = control:	$= h \epsilon d = r \wedge n$		
	- rule st out = eliminate =	= kən'troʊl:		
	exclude = reject = dismiss	rul aʊt = ɪˈlɪməˌneɪt = ɪk		
	(v)	'sklud		
47	ack ob for normical an	= <u>'ridʒɛkt</u> = dɪ'smɪs		
4/.	- ask sb for permission	- æsk fər pərˈmɪʃən	xin phép ai	
10	- give sb permission	- gɪv pərˈmɪʃən - <u>'duti</u> ~ riˌspansəˈbɪləti	cho phép ai	
40.	<ul><li>duty (n) ~ responsibility</li><li>(n)</li></ul>	- duti ~ n <sub>i</sub> spansə biləti - bi an/ of <u>'duti</u>	bổn phận, trách nhiệm đang trực ca/ / không trực ca	
	- be on/ off duty	- DI <u>UII</u> / JI <u>UUU</u>	dang tiệc ca/ / knong tiệc ca	
DE A	DING			
NEA	סאוועט			

49.	<ul><li>be different from = differ</li></ul>	- bi <u>'dıfərənt</u> f <u>r</u> \sigma = 'dıfər	khác so với	
	from	<u>fr∧m</u>	khác biệt, tương phản, đa	
	<pre>- different = distinct =</pre>	- <u>'dıfərənt</u> = dı'stıŋkt =	dạng, nhiều	
	constrasting = various (a)	constrasting = 'vɛriəs		
50.	- century (n)	- ˈsɛnʧəri	thế kỷ	
51.	- historic (a)	- hɪˈstɔrɪk	Quan trọng, mang dấu ấn lịch	
	- historical (a)	- hɪˈstɔrɪkəl	sử	
	- history (n)	- <u>'hıstəri</u>	Thuộc về lịch sử, quá khứ	
			Lịch sử	
<b>52.</b>	- refer to	- <u>rəˈfɜr</u> tʊ	đề cập đến	
53.	- grow up	- groʊ ʌp	lớn lên	
	- # bring up sb/st	- # brɪŋ ʌp /	nuôi lớn ai/ đề cập đến vấn đề	
54.	- experience (v) (n) ><	- ık'spıriəns >< ˌɪnɪk	kinh nghiệm, trải nghiệm	
	inexperience (n)	'spɪriəns	có kinh nghiệm, từng trải	
	- experienced in st/ doing st	- ık'spıriənst ın / 'duıŋ	không có kinh nghiệm, non	
	- > < inexperienced (a):	- > < ınık'spıriənst :	nớt	
55.	- develop (v)	- dɪˈvɛləp	phát triển	
	- development (n)	- dɪ'vɛləpmənt	sự phát triển	
56.	- as a result = as a	- əz ə rɪˈzʌlt = əz ə ˈkɑnsə	kết quả là	
	consequence	kwəns	vì vậy, do đó	
	= consequently = therefore	= <u>'kansəkwəntli</u> = 'ðɛr,fɔr		
	= hence = thus	= hεns = ðʌs		
57.	- prepare (v) st FOR st	- pri'pɛr fɔr	chuẩn bị	
	- preparation (n)	- ˌprɛpəˈreɪʃən	sự chuẩn bị	
58.	- critical thinking	- ˈkrɪtɪkəl ˈθɪŋkɪŋ	tư duy phản biện	
	- critical thinker	- 'krɪtɪkəl 'θɪŋkər	người có tư duy phản biện	
59.	- achieve (v) = gain (v) =	- əˈtʃiv = geɪn = əbˈteɪn	đạt được	
	obtain (v)			
60.	- previous (a) = prior (a) =	- 'priviəs = 'praɪər =	trước	
	precedent (a)	'prɛsɪdənt		
61.	- curious (a)	- 'kjʊriəs	tò mò	
	- curiosity (n)	- ˌkjʊri'ɑsəti	sự tò mò	
62.	- accept st > < refuse st	- æk'sɛpt > < rɪ'fjuz	chấp nhận >< từ chối	
63.	- value (v) (n)	- 'vælju	coi trọng, giá trị	
64.	- teamwork (n)	- 'tim,w3rk	làm việc nhóm	
65.	- welcome (v)	- 'wεlkəm	chào đón	
66.	- technological (a)	- ˌtɛknəˈladʒɪkəl	thuộc về công nghệ	
	- technology (n)	- tɛk'nɑləʤi	công nghệ	
67.	- digital native	- 'dɪʤətəl 'neɪtɪv	những người sinh ra trong	
			thời đại công nghệ	
68.	- social media	- 'soʊʃəl 'midiə	mạng xã hội	
69.		- kri'eɪtɪv	sáng tạo	
	- creativity (n)	- ˌkrieɪ'tɪvəti	sự sáng tạo	

	- create (v)	- kri'eɪt	tạo ra	
	- creation (n)	- kri'eɪʃən	sự tạo ra	
70.	- be able to v	- bi 'eɪbəl	có thể	
71.	- experiment (v) (n)	- ık'spɛrəmənt	thử nghiệm, thí nghiệm	
72.	- platform	- 'plæt,fɔrm	nền tảng	
73.	- suit one's need	- sut wʌnz nid	phù hợp với nhu cầu của ai	
74.	- be interested in = be keen	- bi 'ıntrəstəd ın = bi kin	thích thú	
	on = be fond of = be	an = bi fand $\Lambda V$ = bi In	say mê	
	engrossed in = be absorbed	'groʊst ɪn = bi əb'zɔrbd ɪn		
	in			
75.	- lose - lost - lost	- luz - lɔst - lɔst	mất, lạc thất bại	
	- loss (n)	- los	sự mất đi	
	- # loose (a) >< tight (a)	- # lus >< taɪt	lỏng lẻo >< chặt	
76.	- rely on = depend on	- rɪˈlaɪ αn = dɪˈpɛnd αn	phụ thuộc	
	= count on = bank on	= kaʊnt an = bæŋk an		
77.	- hire (v) = employ (v) =	- 'haɪər = εm'plɔɪ = teɪk	thuê	
	take on	an		
78.	- label (v)	- 'leɪbəl	đặt tên là, dán nhãn là	
79.	- be on the scene = arrive	- bi an ðə sin = ə'raɪv	đang đến	
	(v)			
80.	<ul><li>notice (v) = take notice of</li></ul>	- 'noʊtəs = teɪk 'noʊtəs	chú ý, để ý	
		۸۷		
81.	- method (n)	- 'mεθəd	phương pháp	
82.	<ul><li>go through = experience</li></ul>	- goʊ θru = ɪk'spɪriəns	trải nghiệm, trải qua	
	(v)			
83.	<ul><li>app = application (n)</li></ul>	- æp = ˌæpləˈkeɪʃən	ứng dụng	
	- application (n)	- ˌæpləˈkeɪʃən	đơn xin việ <b>c,</b> sự áp dụng	
	- applicant (n)	- 'æplıkənt	người xin việc	
	- appliance (n)	- ə'plaɪəns	đồ gia dụng	
	- plan to v	plæn	lên kế hoạch làm gì	
85.	- be known for st = be	- bi noʊn fɔr = bi 'feɪməs	nổi tiếng vì	
	famous for	for		
	- = be renowned for	- = bi rɪ'naʊnd fɔr		
6.5	SPEAKING		2.1 2. +41 /1 4 +3 >	
	- be open to st	- bi 'oʊpən tʊ	cởi mở đối với vấn đề gì	
	- share st with sb	- ∫εr	chia sẻ điều gì với ai	
88.	- have fixed ideas/ opinions	- həv fıkst aı'diəz/ ə	có quan điểm cố định về vấn	
00	about st	ˈpɪnjənz əˈbaʊt	đề gì	
89.	- make a decision/ choice =	- meik ə di'sizən/ ʧois = ,	quyết định	
	decide (v)	di'said		
00	- make up one's mind	- meik vb mvuz maind	vấn đầ	
90.	- issue (n) = problem (n) =	- 'I∫u = 'prabləm =	vấn đề	
	matter (n)	'mætər		

91 be good at >< be bad at		- bi gʊd æt >< bi bæd æt   giỏi về >< dốt về			
		LISTENING			
92.	- complain to sb about st	- kəm'pleɪn tʊ ə'baʊt	phàn nàn với ai về vấn đề gì		
93.	<ul><li>let sb v = allow/ permit sb</li><li>to v</li></ul>	- lɛt vi = əˈlaʊ/ ˈpɜrˌmɪt	cho phép ai làm gì		
94.	- limit the time	- 'lımət ðə taım	giới hạn, hạn chế thời gian		
95.	- spend time on st	- spɛnd taɪm ɑn	dành thời gian vào việc gì		
	- electronic device	- ıˌlɛk'trɑnɪk dı'vaɪs	thiết bị điện tử		
	- control (v) (n)	- kən'troʊl	điều khiển, kiểm soát		
98.	- agree with sb on st	- ə'gri	đồng ý với ai về điều gì		
	- disgree with sb on st	- dis ə'gri	không đồng ý với ai về điều gì		
	= have a disagreement with	= <u>həv</u> ə dısə'grimənt	3 37		
	sb on st				
99.	- color one's hair	- <u>'kʌlər</u> wʌnz hɛr	nhuộm tóc		
	upset (v)	- əp'sɛt	làm ai đó buồn, gây xáo trộn		
	- upset (a) = sad (a) =	$-\frac{1}{2} = \frac{1}{2} = \frac{1}{2}$	buồn		
	depressed (a)	'prɛst			
101	tight (a) > < loose (a)	- taɪt > < lus	chặt >< lỏng		
	- tighten (v) > < loosen (v)	- 'taɪtən > < 'lusən	buộc chặt >< nới lỏng		
	- tighten one's belt	- 'taɪtən wʌnz bɛlt	thắt lưng buộc bụng		
102 use st for st		- juz for	sử dụng cái gì cho việc gì		
103 worry about		- 'wɜri ə'baʊt	lo lắng về		
104	take away	- teık ə'weı	mang đi, lấy đi		
WRITING					
105 screen time		- skrin taım	thời gian sử dụng thiết bị điện tử		
106	wide (a)	- waid	rộng		
	- width (n)	- widθ	chiều rộng		
	- widen (v)	- 'waɪdən	mở rộng		
107	damage (v) = destroy (v) =	- <u>'dæməd</u> ਤ = dı'strวı	phá phuỷ		
	devastate (v)	= 'dɛvəˌsteɪt	gây hại		
	- do damage to = do harm to	- <u>dʊ 'dæməd</u> z tʊ = <u>dʊ</u> har			
		m tʊ			
108 eyesight (n)		- 'aıˌsaɪt	thị lực		
109	cause (v) = lead to = result	- $kaz = lid tv = ri'z \wedge lt in$	gây ra		
	in = bring about	= brɪŋ ə'baʊt			
110	fair (a) ~ equal (a) ~ just	- fεr ~ 'ikwəl ~ ʤʌst	công bằng		
	(a)	- ən'fɛr = ə'nikwəl = ən	không công bằng		
	- unfair (a) = unequal (a) =	'dʒʌst	sự công bằng, công lý		
	unjust (a)	- 'fɛrnəs = 1'kwaləti =			
	<pre>- fairness (n) = equality (n)</pre>	'dʒʌstəs			
	= justice (n)				
111	strict (a)	- strikt	nghiêm khắc		

112 quality (n) - quantity (n) - quantity (n) - quantity (n) - local   >   -	=> strictly (adv)	=> 'strɪktli => một cách nghiêm khắc		
- quantity (n)   - 'kwantəti   số lượng     113 useful (a) >< useless (a)   - 'jusfal >< 'jusləs   hữu (ch >< vố (ch     114 support (v) (n)   - sa'pɔrt   hỗ trợ, sự hỗ trợ     115 conclude (v)   - kən'klud   kết luận     - conclusion (n)   - kən'kluʒən   phấn kết luận     - in conclusion   - In kən'kluʒən   kết luận     - in conclusion   - In kən'kluʒən   phấn giới thiệu     - introduce (v)   - Intra'duk   phán giới thiệu     117 firmly (adv)   - 'fɜrmli   một cách chắc chắn     118 digital device   'dɪdʒətəl dɪ'vaɪs   thiết bị công nghệ/ kĩ thuật số     119 be likely to v ~ possible (a)   - bi 'laɪkli ~ 'pɑsəbəl ~ có thể, có khả năng	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •			
113. useful (a) > < useless (a)				
114 support (v) (n)			, -	
115 conclude (v)		•		
- conclusion (n) - in conclusion - in kən'kluʒən - in in kən'kluʒən - in		•		
- in conclusion	115 conclude (v)		kết luận	
116 Introduce (v) - introduction (n) - in addition, - in addition to st, s + v - in addition to st, s + v - in addition (n) - ache (v) - ache (v) - ache (v) - ache (v) - be protective of - be overprotective of - protection (n) - protection (n) - projetickty - ack for permission - protection (n) - communication (n) - projetickty Av - projetickty	- conclusion (n)	- kən'kluʒən	phần kết luận	
- Introduction (n) - In addition, - In addition, - In addition to st, s + v - In addition to st, s + v - In addition (n) - ache (v) - ache (v) - be protective of - be protective of - protection (n) - Introduction (n) - Int	- in conclusion	- ın kən'kluzən	kết luận là	
117. firmly (adv) 118. digital device 119. be likely to v ~ possible (a)	116 introduce (v)	- ,ıntrə'dus	giới thiệu	
118 digital device 119 be likely to v ~ possible (a)	- introduction (n)	- <u>,ıntrə'd∧k∫ən</u>	phần giới thiệu	
119 be likely to v ~ possible (a) - bi 'laikli ~ 'pasəbəl ~ có thể, có khả năng 'prabəbəl    120 outdoor activity - 'aʊt,dɔr æk'tɪvəti   hoạt động ngoài trời    121 add (v) - æd   thêm, cộng   sự thêm vào   - addition (n) - ə'dɪʃən   sự thêm vào dó   - in addition to st, s + v   - ɪn ə'dɪʃən,   thêm vào dó   - in addition to st, s + v   - ɪn ə'dɪʃən tʊ , ɛs + vi   ngoài cái gì,    122 look at = have a look at   lʊk æt = həv ə lʊk æt   nhìn vào    123 headache (n) - 'hɛ,deɪk   bệnh đau đấu   - ache (v)   - eɪk   dâu    124 ensure (v)   - ɛn'ʃʊr   dảm bảo    125 protect (v) - prə'tɛkt   bảo vệ   - be protective of   - bi ˌoʊvərprə'tɛktəv ʌv   - protection (n)   - pra'tɛkʃən   sự bảo vệ    COMMUNICATION & CULTURE    126 ask for permission   - æsk fər pər'mɪʃən   cho phép   - 'sɔrtənli = ˌæbsə'lutli =   definitely   'dɛfənətli   - 'dɛfənətli   - wu care   yu da m nhạc   - in addition to st, s + v   hoạt động ngoài trời   - in addition to st, s + v   hoạt động ngoài trời   - in addition to st, s + v   hoạt động ngoài trời   - in addition to st, s + v   hoạt động ngoài trời   - in addition to st, s + v   hoạt động ngoài trời   - in addition to st, s + v   hoạt động ngoài trời   - in addition to st, s + v   hoạt động ngoài trời   - in addition to st, s + v   hoạt động ngoài trời   - in addition to st, s + v   hoạt động ngoài trời   - in addition to st, s + v   hoạt động ngoài trời   - in addition to st, s + v   hoạt động ngoài trời   - in addition to st, s + v   hoạt động ngoài trời   - in addition to st, s + v   hoạt động ngoài trời   - in addition to st, s + v   hoạt động ngoài trời   - in addition to st, s + v   hoạt động ngoài trời   - in addition to st, s + v   hoạt động ngoài trời   - in addition to st, s + v   hoạt goài sự thên vào dó - thêm vào dó - hoạt định đùa đầu đầu đầu đầu đầu đầu bạt bạt la trài la trình lâu dài của công việc)   - in addition to st, set vi la thêm vào dó la trình lâu dài của công việc	117 firmly (adv)	- ˈfɜrmli	một cách chắc chắn	
reprobable  120 outdoor activity  121 add (v)  - addition (n)  - in addition,  - in addition to st, s + v  122 look at = have a look at  123 headache (n)  - ache (v)  125 protect (v)  - be protective of  - be overprotective of  - protection (n)  - communication  - ask for permission  127 give sb permission  128 certainly = absolutely = definitely  129 muscial taste  - dan diving manhar dia trình lâu dài của công việc)  - bo (n) (n đếm được)  - dgab  - addition (n)  - add thêm, cộng  sự thêm vào  thêm, cộng  sự thêm vào  thêm vào dó  ngoài cái gì,  10k æt = hav a lok æt  nhin vào  bệnh đau đầu  dau  dau  dam bảo  - erk  dam bảo  bảo vệ  bảo vệ  bảo vệ, bao bọc ai  quá bao bọc ai  quá bao bọc ai  sự bảo vệ  cho phép  chóc chắn rổi  trình lâu dài của công việc)  - công việc, nhiệm vụ	118 digital device	- 'dɪʤətəl dɪ'vaɪs	thiết bị công nghệ/ kĩ thuật số	
reprobable  120 outdoor activity  121 add (v)  - addition (n)  - in addition,  - in addition to st, s + v  122 look at = have a look at  123 headache (n)  - ache (v)  125 protect (v)  - be protective of  - be overprotective of  - protection (n)  - communication  - ask for permission  127 give sb permission  128 certainly = absolutely = definitely  129 muscial taste  - dan diving manhar dia trình lâu dài của công việc)  - bo (n) (n đếm được)  - dgab  - addition (n)  - add thêm, cộng  sự thêm vào  thêm, cộng  sự thêm vào  thêm vào dó  ngoài cái gì,  10k æt = hav a lok æt  nhin vào  bệnh đau đầu  dau  dau  dam bảo  - erk  dam bảo  bảo vệ  bảo vệ  bảo vệ, bao bọc ai  quá bao bọc ai  quá bao bọc ai  sự bảo vệ  cho phép  chóc chắn rổi  trình lâu dài của công việc)  - công việc, nhiệm vụ	119 be likely to v ~ possible (a)	- bi 'laıkli ~ 'pasəbəl ~		
121 add (v) - addition (n) - in addition, - in addition to st, s + v  122 look at = have a look at  123 headache (n) - ache (v) - ache (v) - be protective of - protection (n) - protection (n) - protection (n) - protection (n) - ask for permission - giv pər'mɪʃən - certainly = absolutely = definitely - po (n) (n) dem được) - dgab  129 muscial taste - dgab  thêm, cộng sự thêm vào thêm vào dó ngoài cái gì, nhìn vào  bệnh đau đầu	~ probable	'prabəbəl		
121 add (v)       - æd       thêm, cộng         - addition (n)       - a'dɪʃən       sự thêm vào         - in addition,       - in a'dɪʃən,       thêm vào đó         - in addition to st, s + v       - in a'dɪʃən tʊ , ɛs + vi       ngoài cái gì,         122 look at = have a look at       - lʊk æt = həv ə lʊk æt       nhìn vào         123 headache (n)       - 'hɛ,deɪk       bệnh đau đầu         - ache (v)       - ɛn'ʃʊr       đảm bảo         124 ensure (v)       - ɛn'ʃʊr       đảm bảo         125 protect (v)       - pro'tɛkt       bảo vệ         - be protective of       - bi pra'tɛktɪv ʌv       bảo vệ, bao bọc ai         - be overprotective of       - bi ˌoʊvərprə'tɛktəv ʌv       phảo vệ, bao bọc ai         - protection (n)       - pra'tɛkʃən       sự bảo vệ         COMMUNICATION & CULTURE       sự bảo vệ         126 ask for permission       - æsk fər pər'mɪʃən       xin phép         127 give sb permission       - gɪv pər'mɪʃən       chō chán rồi         128 certainly = absolutely = definitely       'sɜrtənli = ˌæbsə'lutli = definitely       chắc chán rồi         129 muscial taste       - muscial teɪst       gu âm nhạc         130 career (n)       - kə'rɪr       sự nghiệp (nhân mạnh qúa trình lâu dài của công việc)<	<del>_</del>	- 'aʊtˌdɔr æk'tɪvəti	hoạt động ngoài trời	
- addition (n) - in addition, - in addition, - in addition to st, s + v  122 look at = have a look at  123 headache (n) - ache (v)  124 ensure (v) - be protective of - be overprotective of - protection (n)  COMMUNICATION & CULTURE  126 ask for permission - giv pər'mɪʃən - give sb permission - giv pər'mɪʃən - certainly = absolutely = definitely - job (n) (n đếm được) - job (n) (n đếm được) - dʒab  - lot diffen, to thêm vào t		- æd		
- in addition, - in addition to st, s + v  122 look at = have a look at  - lok æt = hav ə lok æt  123 headache (n) - ache (v)  124 ensure (v) - sn'ʃør - be protective of - be overprotective of - protection (n)  - communication - protection (n)  126 ask for permission - giv pər'mɪʃən - certainly = absolutely = definitely - ioh (n) - in a'dɪʃən, - In ə'dɪʃən, - sek + vi - ndau dåu - dau - lok æt = hav ə lok æt - hav ə lok æt - bệnh đau đầu - dau - lok æt = hav ə lok æt - hav ə lok æt - bệnh đau đầu - dau - dau - và av pháo - dau - và av pháo - dau - lok æt - lok æ		- ə'dɪʃən		
- in addition to st, s + v  - In ə'dɪʃən tʊ , ɛs + vi  ngoài cái gì,  122 look at = have a look at  - lʊk æt = həv ə lʊk æt  nhìn vào  bệnh đau đầu  đau  124 ensure (v)  - ɛn'ʃʊr  - be protective of - be overprotective of - protection (n)  - communication & Culture  126 ask for permission  - certainly = absolutely = definitely  - be nuscial taste  - muscial teɪst  - in ə'dɪʃən tʊ , ɛs + vi  ngoài cái gì,  nhìn vào  bệnh đau đầu  đau  đầu  đầu  đầu  đầu  đầu  đầu		•	•	
122 look at = have a look at	The state of the s	<u>-</u>	ngoài cái gì,	
123 headache (n) - ache (v) - ache (v) - erk  124 ensure (v) - £n'ʃʊr - be protect (v) - be protective of - be overprotective of - protection (n) - æsk fər pər'mɪʃən - cortainly = absolutely = definitely - be cortainly = châc dia		•		
- ache (v) - eɪk  124 ensure (v) - ɛn'ʃɒr - protect (v) - be protective of - be overprotective of - protection (n)  COMMUNICATION & CULTURE  126 ask for permission - gɪv pər'mɪʃən - 'sɜrtənli = ˌæbsə'lutli = definitely  129 muscial taste - muscial teɪst - dyab - eɪk  dau  dau  dam bảo  chảo vệ  bảo vệ, bao bọc ai quá bao bọc ai sự bảo vệ  Xin phép  xin phép - cho phép - 'sɜrtənli = ˌæbsə'lutli = chắc chắn rồi  definitely  129 muscial taste - muscial teɪst - gu âm nhạc - sự nghiệp (nhấn mạnh qúa trình lâu dài của công việc) - job (n) (n đếm được) - dʒab - công việc, nhiệm vụ				
124 ensure (v)  - en'for  - protect (v)  - be protective of - be overprotective of - protection (n)  - protection (n)  - protection  - communication & Culture  126 ask for permission  - give sb permission  - give sb permission  - give per'mɪʃən  - 'sɜrtənli = ˌæbsə'lutli = chắc chắn rồi  definitely  129 muscial taste  - muscial teɪst  - wash for permission  - wash fər pər'mɪʃən - 'sɜrtənli = ˌæbsə'lutli = chắc chắn rồi  definitely  129 muscial taste  - muscial teɪst  - muscial teɪst  - gu âm nhạc  sự nghiệp (nhấn mạnh qúa trình lâu dài của công việc) - job (n) (n đếm được)  - dʒab	• •	·	·	
125 protect (v)				
- be protective of - be overprotective of - protection (n)  COMMUNICATION & CULTURE  126 ask for permission  127 give sb permission  128 certainly = absolutely = definitely  129 muscial taste  130 career (n)  - bi prəˈtɛktɪv ʌv - bi ˌoʊvərprəˈtɛktəv ʌv - bi ˌoʊvərprəˈtɛktəv ʌv - bi ˌoʊvərprəˈtɛktəv ʌv - cut and bao bọc ai - sự bảo vệ  CULTURE  2 wi bảo vệ - sự bảo vệ - cho phép - cho phép - chắc chắn rồi - chắc chắn		•		
- be overprotective of - protection (n) - prəˈtɛkʃən  COMMUNICATION & CULTURE  126 ask for permission - æsk fər pərˈmɪʃən - give sb permission - gɪv pərˈmɪʃən - cho phép  128 certainly = absolutely = definitely - ˈsɜrtənli = ˌæbsəˈlutli = definitely - muscial taste - muscial teɪst  130 career (n) - job (n) (n đếm được) - dʒab  - bi ˌoʊvərprəˈtɛktəv ʌv quá bao bọc ai sự bảo vệ  xin phép cho cho phép chắc chắn rồi  gu âm nhạc sự nghiệp (nhấn mạnh qúa trình lâu dài của công việc) công việc, nhiệm vụ		•	•	
- protection (n)  COMMUNICATION & CULTURE  126 ask for permission  - æsk fər pərˈmɪʃən  - gɪv pərˈmɪʃən  - cho phép  128 certainly = absolutely = 'sɜrtənli = ˌæbsəˈlutli = chắc chắn rồi  129 muscial taste  - muscial teɪst  - was fər pərˈmɪʃən  - ˈsɜrtənli = ˌæbsəˈlutli = chắc chắn rồi  29 certainly  - muscial teɪst  - muscial teɪst  - was nghiệp (nhấn mạnh qúa trình lâu dài của công việc)  - job (n) (n đếm được)  - dʒab  - cong việc, nhiệm vụ		•		
COMMUNICATION & CULTURE  126 ask for permission - æsk fər pərˈmɪʃən xin phép  127 give sb permission - gɪv pərˈmɪʃən cho phép  128 certainly = absolutely = 'sɜrtənli = ˌæbsəˈlutli = chắc chắn rồi  129 muscial taste - muscial teɪst gu âm nhạc  130 career (n) - kəˈrɪr sự nghiệp (nhấn mạnh qúa trình lâu dài của công việc)  - job (n) (n đếm được) - dʒɑb công việc, nhiệm vụ	_	•		
126 ask for permission   - æsk fər pərˈmɪʃən   xin phép     127 give sb permission   - gɪv pərˈmɪʃən   cho phép     128 certainly = absolutely = definitely   dɛfənətli   dɛfənətli     129 muscial taste   - muscial teɪst   gu âm nhạc     130 career (n)   - kəˈrɪr   sự nghiệp (nhấn mạnh qúa trình lâu dài của công việc)     - job (n) (n đếm được)   - ʤab   công việc, nhiệm vụ		•	5	
127 give sb permission - gɪv pərˈmɪʃən - ˈsɜrtənli = ˌæbsəˈlutli = chắc chắn rồi definitely  129 muscial taste - muscial teɪst gu âm nhạc - kəˈrɪr sự nghiệp (nhấn mạnh qúa trình lâu dài của công việc) - job (n) (n đếm được) - dʒab  cho phép chắc chắn rồi gu âm nhạc - ky rɪr sự nghiệp (nhấn mạnh qúa trình lâu dài của công việc) công việc, nhiệm vụ			vin nhán	
128 certainly = absolutely = definitely       - 'sɜrtənli = ˌæbsə'lutli = 'dɛfənətli       chắc chắn rồi         129 muscial taste       - muscial teɪst       gu âm nhạc         130 career (n)       - kə'rɪr       sự nghiệp (nhấn mạnh qúa trình lâu dài của công việc) công việc, nhiệm vụ		•		
definitely   'dɛfənətli     129 muscial taste   - muscial teɪst   gu âm nhạc     130 career (n)   - kəˈrɪr   sự nghiệp (nhấn mạnh qúa trình lâu dài của công việc)     - job (n) (n đếm được)   - ʤαb   công việc, nhiệm vụ		<u> </u>		
129 - muscial taste - muscial terst gu âm nhạc  130 - career (n) - kəˈrɪr sự nghiệp (nhấn mạnh qúa trình lâu dài của công việc)  - job (n) (n đếm được) - dʒab công việc, nhiệm vụ	_		Chac chan for	
130 career (n) - kəˈrɪr sự nghiệp (nhấn mạnh qúa trình lâu dài của công việc) - job (n) (n đếm được) - ʤαb công việc, nhiệm vụ			200 A 200 10 D 20	
trình lâu dài của công việc) - <b>job (n) (n đếm được)</b> - ʤαb công việc, nhiệm vụ			,	
- <b>job (n) (n đếm được)</b> - dʒab công việc, nhiệm vụ	13U career (n)	- KƏ'rır		
	•			
- work (n) (n không đếm - wзrk công việc, trách nhiệm	_			
<b>được)</b> - prəˈfɛ∫ən công việc (thường là công	· · · · · ·	- prəˈfɛJən		
- <b>profession (n)</b> việc trình độ cao: bác sĩ)	- profession (n)			
- okiupei ∫ən nghề nghiệp (thường xuất		- okiupei ∫ən		
			hiện trong các mẫu đơn)	
131 process (n) ~ procedure - 'pra,ses ~ prə'sidər quá trình, quy trình				
(n) - 'praˌsɛs ('suəʤ/ fud) xử lý (rác thải), chế biến (thức	(n)	- <u>'pra,ses</u> ( <u>'suəd</u> z/ fud)	xứ lý (rác thải), chế biến (thức	

<ul><li>process (v) (sewage/ food</li><li>treat (v)</li></ul>	) ~ trit	ăn)	
132 adapt to	- ə'dæpt tʊ	thay đổi để thích nghi với	
- 133 migrate (v) => migrant (n) - emigrate (v) => emigrant (n) - immigrate (v) => immigrant (n)	) - 'maɪˌgreɪt	di cư (tạm thời) => dân di cư di cư (vĩnh viễn) => dân di cứ nhập cư => dân nhập cư	
ininigrant (ii)	=> 'ıməgrənt		
134 individualism (n) - individual (a) (n)	- ˌɪndɪvɪˈduəˌlɪzəm - ˌɪndəˈvɪʤəwəl	chủ nghĩa cá nhân cá nhân	
135 free (a) - freedom (n)	- fri - 'fridəm	tự do, miễn phí sự tự do	
136 honest (a) >< dishonest	- 'anəst >< dı'sanəst	trung thực >< không trung	
(a)	- 'anəsti >< dı'sanəsti	thực	
<ul><li>honesty (n) &gt;&lt; dishonesty</li><li>(n)</li></ul>	•	sự trung thực >< sự không trung thực	
137 competition (n) = contest (n) - compete (v) = contest (v)	- ˌkampəˈtɪʃən = <u>'kantɛst</u> - kəm'pit = <u>'kantɛst</u>	cuộc thi cạnh tranh, thi đấu mang tính cạnh tranh	
<ul><li>competitive (a)</li><li>competitor (n) =</li><li>contestant (n)</li></ul>	<ul><li>kəm'pɛtətīv</li><li>kəm'pɛtətər = kən</li><li>'tɛstənt</li></ul>	thí sinh	
138 on the one hand	- <u>an</u> ðə wʌn hænd	một mặt	
- on the other hand	- <u>an</u> ði '∧ðər hænd	mặt khác	
139 fail to v	- feɪl	thất bại	
- succeed in ving	- sək'sid ın ving	thành công trong việc gì	
140 native language	- 'neɪtɪv <u>'læŋgwəd</u> ʒ	ngôn ngữ bản địa	
141 keep ving = go on ving = carry on ving - = continue ving/ to v	kip ving = goʊ an ving = ' kæri an ving = kən'tınju v ing/	tiếp tục làm gì	
142 try to v = attempt = endeavor = strive - = make an attempt/ effort	traɪ = ə'tɛmpt = ɪn'dɛvər = straɪv = meɪk ən ə'tɛmpt/ 'ɛfərt	cố gắng, nỗ lực làm gì	
= be in attempt to v	= bi ın ə'tɛmpt	thử làm gì	
- try ving	- traɪ ving		
143 force sb to v	fors	ép buộc ai làm gì	
144 community (n)	- <u>kəm'junəti</u>	cộng đồng	
145 due to = owing to =  because of	$\frac{du}{dt} = \frac{du}{dt} = du$	bởi vì	
= on account of = on the ground of	= <u>an</u> ə'kaʊnt ʌv -= <u>an</u> ðə graʊnd ʌv		
= by virtue of + n	= baɪ ˈvɜrtʃu ʌv + εn		

146 attitude to/towards/		'ætə,tud tʊ/ <u>tə'wɔrdz</u> /ə	thái độ đối với
about/on sb/st		'baʊt/ <u>ɑn</u>	
<b>147.</b> - <b>expect</b> sb to v		- ɪk'spεkt	mong đợi ai làm gì
	- <b>expectation</b> (n)	- ˌεkspεk'teɪʃən	
148	compare a with b	- kəm'pεr ə <u>wɪð</u> bi	so sánh a với b
149 confide st to sb		- kən'faɪd tʊ	chia sẻ điều gì với ai
- confide in sb		- kən'faɪd ɪn	tâm sự
- confident in (ability)/ about		- 'kanfədənt ın (ə'bıləti)/ ə	tự tin
	st	'baʊt	bí mật
- confidential (a)		- <u>ˌkɑnfəˈdɛnʃəl</u>	

### ${\bf GRAMMAR}$

### 1. SHOULD VÀ OUGHT TO

A. Cách dùng:		Ví dụ:
* Should/ shouldn't, ought to và ought not to		You <b>shouldn't</b> judge people by their appearances.
được dùng để đưa ra ý kiến hoặc lời khuyên.		= You <b>ought not to</b> judge people by their
		appearances. (Bạn không nên đánh giá người khác
		qua bề ngoài.)
B. Cấu trúc:		Ví dụ:
Should/ shouldn't		I think parents <b>should / ought t</b> o take equal
ought to/ought not to V nguyên thể		responsibility for childcare.
		(Tôi nghĩ cha mẹ nên chịu trách nghiệm như nhau
		trong việc chăm sóc con cái.)
* Should được dùng phổ biến hơn ought to. Ought		
to hơi mang tính trang trọng hơn should trong câu		
phủ định và nghi vấn.		

### **2. MUST VÀ HAVE TO** (MUST AND HAVE TO)

	MUST		HAVE TO
Khẳng định	Thể hiện sự bắt buộc b You <b>must</b> respect yo ( <i>Bạn phải tôn trọng b</i> ơ	ur parents.	Thể hiện sự bắt buộc từ bên ngoài You <b>have to</b> stop when the traffic light turns red. ( <i>Bạn phải dừng lại khi đèn đường chuyển</i> màu đỏ.)
Mustn't: không được phép l Phủ định We mustn't smoke here (Chúng ta không được hút thuố		ke here.	Don't have to: không cần thiết phải làm gì You don't have to work overtime.  y.) (Bạn không cần phải làm thêm giờ.)
Cấu trúc	must/ mustn't have to/ don't have to	V nguyên thể	Ví dụ: You must go home before curfew. (Con phải về nhà trước giờ giới nghiêm.) You have to attend the meeting at 6. (Bạn phải tham dự buổi họp lúc 6 giờ.)

### **EXERCISES**

Circle A. B. C or D to indicate the word whose underlined part differs from the other three in Ex 1. pronunciation in each of the following questions. 1. A. gap **B.** generation **C.** grandparent D. great 2. A. gap B. application C. value D. behavior 3. A. hold B. follow C. force D. notice 4. A. control C. confidence D. condition B. economic 5. A. argue B. breadwinner C. express D. extend 6. A. footstep B. roof D. fool C. food **7. A.** believe B. extend C. respect D. gender C. force 8. A. control B. forbid D. complain **9. A.** spe<u>c</u>ial B. common C. consist D. conflict B. forbids C. distracts D. follows 10. A. complains Ex 2. Circle A. B. C. or D to indicate the word that differs from the other three in the position of the primary stress in each of the following questions. 1. A. follow B. gender **C.** footstep D. belief 2. A. behave B. differ C. argue D. follow 3. A. belong B. special D. allow C. exist 4. A. refer B. prepare C. achieve D. curious 5. A. value **B.** teamwork C. welcome D. accept 6. A. create B. platform C. label **D.** notice 7. A. permission B. difference D. argument **D.** cultural C. experience 8. A. economic **B.** generation D. electronic C. tradition D. influence 9. A. expression **B.** important C. respect 10. A. eyesight B. worry D. limit Ex 3. Circle A. B. C or D to indicate the correct answer to each of the following questions E.g.: I have a terrible headache, so I\_\_\_\_\_leave early. A. have to B.\must C. ough to **D.** should Our family is going to travel abroad this summer, so we\_\_\_ \_get our passport soon. A. ought to B. have to C. must **D.** should Students\_\_\_\_look at their notes during the test. A. don't have to B. shouldn't C. mustn't D. ought not to You \_find time for some relaxation every day. A. have to B. must C. should D. might 4. Each generation is likely to have different thoughts about how the family\_ interact. A. should B. must C. have to D. could 5. All the students\_\_\_\_\_obey the school rules. A. must **B.** ought to C. should D. have to My back has been hurting for weeks. I\_\_\_\_\_go to the doctor's. A. don't have to B. have to C. mustn't D. must 7. My family\_\_\_\_\_pay a lot of taxes every year. A. should B. has to D. ought to C. must

The local authority is really strict about protecting that piece of lawn. You

walk around it.

GLOBAL SUCCESS 11			
A. mustn't	B. ought not to	C. shouldn't	D. don't have to
9. It is a great party but I_	go now.		
A. should	B. have to	C. must	D. ought to
10. Sometimes parents	be tolerant of their chi	ldren's childlike behaviouı	°S.
A. should	B. must	C. have to	D. mustn't
11. All studentsco	mplete their homework bef	ore going to class because	it's a rule.
A. ought to	B. have to	C. must	D. should
12. Parentsspend	more time talking to their c	hildren to enhance family	bonding.
A. should	B. shouldn't	C. must	D. have to
13. If you want to be a frien	nd of your children, you	change your mind abo	out modern music and fashion.
A. don't have to	B. have to	C. ought to	D. ought not to
<b>14.</b> The buffet restaurant is	s free for kids under 5 years	old. so youpay fo	or your son.
A. shouldn't	B. mustn't	C. don't have to	D. ought not to
15. Youtell anyone	e about what I told you. It's a	a secret.	
A. mustn't	B. don't have to	C. shouldn't	D. ought not to
<b>16.</b> Istay up late to	onight because I have a lot o	f exercises to do.	
A. have to	B. should	C. must	D. ought to
17. Youjudge othe	r people based on their app	earance.	
A. don't have to	B. ought not to	C. shouldn't	D. B&C
18. Spectatorssho	w their tickets before they $\epsilon$	enter My Dinh stadium.	
A. must	B. have to	C. should	D. ought to
<b>19.</b> Vietnamese visitors	ought to have a Schen	gen visa to travel to Spain	and Belgium.
A. must	B. should	C. have to	D. may
<b>20.</b> When playing in the wa	ater park, childrenk	be accompanied by adults.	
A. should	B. must	C. have to	D. ought to
21. Youdrive If yo	u don't have a driving licenc	ce.	
A. ought not to	B. don't have to	C. mustn't	D. shouldn't
22. Webook a tabl	le in advance at this restaura	ant. Just turn up and we'll l	oe served right away.
A. don't have to	B. shouldn't	C. mustn't	D. ought not to
23. I think youlet	your daughter know your fi	nancial burden. She is mat	ure enough to share with you.
A. have to	B. must	C. ought to	D. might
24. Yourespect yo	ur family values.		
A. must	B. mustn't	C. don't have to	D. have to
<b>25.</b> I will give you 5 more n	ninutes to complete your ex	ercise, and yousu	bmit it to me at 10:30
A. must	B. have to	C. should	D. ought to
<b>26.</b> Youhave your	hair dyed when you are a st	tudent. It's forbidden.	
A. don't have to	B. shouldn't	C. mustn't	D. ought not to
27. Your children are very	sensitive during their teena	ge years, therefore, you	be rude to them.
A. should	B. shouldn't	C. must	D. mustn't
28. Teenagersspen	nd too much time on social ı	networks such as Facebool	k.
A. mustn't	B. ought not to	C. shouldn't	D. couldn't
29. Sheattend extr	racurricular activities becau	se she lives too far from th	ie school.

GLUBAL SUCCESS 11			
A. mustn't	B. shouldn't	C. doesn't have to	D. ought not to.
<b>30.</b> Everyone thinks that l	nefollow his father's	s footsteps and become a do	octor.
A. should	B. ought	<b>C.</b> have to	D. must
<b>31.</b> All students wear	uniforms at school because	it is a rule.	
A. should	B. have to	C. ought to	D. must
<b>32.</b> You finish your ho	mework before you go to be	ed.	
A. must	B. have to	C. should	D. ought to
<b>33.</b> This drink isn't benefi	cial for health. You drink	c it too much.	
A. should	B. ought to not	C. ought not to	D. mustn't
<b>34.</b> This warning sign ind	icates that you step on tl	ne grass.	
A. shouldn't	B. mustn't	C. don't have to	D. ought not to
<b>35.</b> I think you do exe	rcise regularly in order to ke	ep your body in good shap	e.
A. must	B. should	C. ought to	D. Both B and C
<b>36.</b> I will lend you some n	noney, but you pay it bac	k to me next week.	
A. should	B. have to	C. must	D. mustn't
<b>37.</b> Hoa feed the cats	because her mother has don	e it already.	
A. has to	B. doesn't have to	C. must	D. Both A and C
<b>38.</b> Those audiences s	show their tickets before ent	ering the concert hall.	
A. have to	B. must	C. ought to	D. don't have to
<b>39.</b> The children spen	d too much time playing cor	nputer games.	
A. mustn't	B. ought to not	C . shouldn't	D. Both B and C
<b>40.</b> In case you're suffered	d from the injury, you se	e the doctor today.	
A. had better	B. must	C. ought	D. have better
<b>41.</b> Water park is free for	kids under 6 years old. so y	ou pay money for your	son.
A. have to	B. mustn't	C. should	D. don't have to
<b>42.</b> You look totally exhau	iste <mark>D.</mark> You take a rest in	stead of working overtime.	
A. should	B. ought	C. must	D. has better
<b>43.</b> Anyone have a pas	ssport, even a visa when trav	elling all around the worl <mark>d</mark>	l
A. ought to	B. must	C. should	D. has to
<b>44.</b> In the peak season, tra	avellers book their accor	nmodation in advance.	
A. have to	B. must	C. should	D. ought
<b>45.</b> My car broke down ye	esterday, so I catch a taxi	to the office.	
A. have to	B. had better	C. had to	D. has to
<b>46.</b> We eat as much fr	uit as possible in order to ge	t enough vitamins for our b	oodies.
A. had better	B. should	C. ought to	D. All are correct
<b>47.</b> You tell anyone w	hat I've revealed to you. It's	still a secret.	
A. mustn't	B. had better not	C. ought not to	D. don't have to
48. If you still want to ma	intain this relationship, you	behave improperly like	that.
A. ought to not	B. ought not to	C. mustn't	D. don't have to
49. When playing or swin	nming in the pool, children _	be accompanied by their	parents.
A. should	B. must	C. don't have to	D. have to
50. We go to work by	car Sky train is a wise choic	e during rush hour	

GLOBAL SUCCESS 11			
A. ought to	B. mustn't	C. shouldn't	D. have to
Ex 4.	Circle A. B. C or D to ind	icate the correct answer t	o each of the following
questions			
1. The refers to the	e difference in attitudes or b	oehavior between a younge	r generation and the older one
A. argument	B. generation gap	C. conflict	D. disagreement
2. Living under the same i	oof with three or four gene	rations can be frustrating b	ecause of the lack of space,
independence, and the daily			
A. arguments	B. debates	C. conflicts	D. quarrel
3. He shared his father's _	that people should w	ork hard for their living.	
A. belief	B. gap	C. arguments	D. complaint
4. Parents can't always re	spond effectively to agressi	ve of their childr	ren
A. generation	B. thought	C. behaviour	D. roles
<b>5.</b> She works in television	, following her fathe	r's footsteps.	
A. with	B. on	C. in	D. of
6. My parents us a	advice, but never force us to	do what they want.	
A. give	B. follow	C. provide	D. take
7. My grandparents encou	trage me to my dre	eam to become an engineer	
A. quit	B. follow	C. improve	D. awake
8. I <u>deeply</u> respect <u>David</u>	what he has <u>achieve</u>	<u>ed</u> .	
A. for	B. about	C. of	<b>D.</b> to
9. She found herself	conflict with her parents o	ver her future career.	
A. in	B. out	C. for	D. on
<b>10.</b> Everyone was	cowards him, listening caref	fully to his long explanation	S.
A. respected	B. respective	C. respectable	D. respectful
11. Breadwinning and child	lcare are the roles o	f men and women in society	y
A. respecting	B. respective	C. respectable	D. respectful
<b>12.</b> Julie and Mark aged 17	and 19		
A. respectingly	B. respectively	C. respectably	D. respectfully
<b>13</b> . He ranked first in the p	ublic English speaking conto	est. It was a perfectly	result.
A. respecting	B. respective	C. respectable	D. respectful
14. Parents are pleased wh	en their children know how	to be to others.	
A. frustrating	B. responsible	C. respectful	D. studious
<b>15.</b> If you are a part of a (n)	, you may live with	h your grandparents, aunts	and uncles.
A. generation gap	B. extended family	C. nuclear family	D. blended family
<b>16.</b> Differentin a fa	mily often result in interest	ting debates and occasional	disagreements.
<mark>A.</mark> viewpoints	B. hairstyles	C. burdens	D. trends
17. I usually get into	with my brother about	trivial things.	
A. differences	B. conflicts	C. generation gap	D. unemployment
<b>18</b> . One disadvantage of liv	ing in a/an is that gran	dparents may see things fro	om different viewpoints.
A. extended family	B. nuclear family	C. small family	D. dormitory
<b>19.</b> Some parents may also	find their children's behavi	or unacceptable and disres	pectful to traditional
A. customs	B. values	C. spirits	D. standard

GLOBAL SUCCESS 11			
<b>20.</b> In order to the g	gap between the old generat	ion and the younger one, mut	tual understanding is the vital
key.			
<mark>A. bridge</mark>	B. widen	C. lessen	D. lower
<b>21.</b> The wisest solution w	ould be for parents and thei	r children to each oth	er as friends
A. cure	B. treat	C. show	D. behave
<b>22.</b> There is no need for g	ender because men ar	nd <b>women</b> can do many of the	e same tasks.
A. issues	B. equality	C. roles	D. gaps
23. I live in a/an with	my parents and my elder si	ster in the coastal are <mark>a</mark>	
A. extended family	B. nuclear family	C. extended house	D. nuclear house
<b>24.</b> One advantage of living	ng in a/an is to strengthe	en relationship between your	ng children and adults.
A. nuclear family	B. nuclear house	C. extended family	D. extended house
<b>25.</b> 13. In my opinion, fan	nily members are responsibl	le for	
A. the housework	B. the chores	C. homework	D. A and B
<b>26.</b> 15. After graduating f	rom university, I want to	_ my father's footsteps.	
A. follow in	B. succeed in	<b>C.</b> go after	D. keep up
<b>27.</b> 17. Four generations l	living in the same roof will h	ave different of lifestyle.	
A. gaps	B. rules	C. manners	D. viewpoints
<b>28.</b> 23. Generation is	the difference in the though	ts and viewpoints amongst go	enerations living together.
A. distance	<mark>B.</mark> gap	C. space.	D. All are correct
29. 25. My parents don't l	et me get married until I gra	nduate from university and th	ney never their mind about
that.			
A. keep	B. impose	C. focus	D. change
<b>30.</b> 26. The arises wh	en Jack and his parents have	e considerable disagreement	on his choice of university.
A. discrimination	B. conflict	C. agreement	D. gap
<b>31.</b> If you just live with yo	our parents and your sibling	s, you live in a	
A. big family	B. small family	C. extended family	D. nuclear family
<b>32.</b> in a multi-genera	itional family are unavoidab	le.	
A. advantages	B. habits	C. conflicts	D. punishment
<b>33.</b> I usually get into	with my brother abou	t trivial things.	
A. differences	B. conflicts	C. generation gap	D. unemployment
<b>34.</b> He doesn't want to fol	low in his father's	as a doctor.	
A. attitude	B. privacy	C. tradition	D. footstep
<b>35.</b> Over the past few yea	rs, in both the USA and the U	JK, the number of multi-gene	rational households with three
or four living und	ler the same roof has increa	sed	
A. generations	B. generators	C. generates	D. generation
<b>36.</b> My parents' impositio	n no difference to m	y decision of choosing the fut	ture career
A. gives	B. pays	C. takes	D. makes
<b>37.</b> John often into	conflict with his parents be	cause he missed his curfew	
A. put	B. came	C. got	D. B&C
<b>38.</b> My parents keep	about my clothes.		
A. complaining	B. complain	C. to complain	D. complained

GLOBAL SUCCESS 11			
39. Young people don't alw	ays understand their paren	ts' points of views, th	ey prefer to be free to make
their own decisions on their	r future career.		
A. However	B. Instead	C. Furthermore	D. Yet
<b>40.</b> They came here last we	eek, and we'll pay a return v	isit them in the summ	er.
A. for	B. from	C. to	D. around
<b>41.</b> He's always worrying _	his weight.		
A. about	B. for	C. with	D. of
<b>42</b> . There have been chang	es in public attitudes	marriage	
A. to	B. towards	C. about	D. All are correct
<b>43.</b> I'm going to complain _	the authorities	_ the noise of the new clu <b>B</b> .	
A. for/ about	B. to/for	C. to/about	D. about/for
<b>44.</b> My parents keep	me because they think th	ney know what is best for me	
A. control	B. to control	C. controlling	D. controlled
<b>45.</b> Pressure of childcare for	orce young couples	back with their parents	
A. move	B. to move	C. moved	D. moving
<b>46.</b> You can'tyour	child to watch the movie th	at he doesn't like.	
A. control	B. forbid	C. impose	<b>D.</b> force
<b>47.</b> Parents' strict rules ma	y put moreon teens	agers.	
A. burden	B. pressure	C. problem	D. stuff
<b>48.</b> The major factor	the generation gap is lac	k of communication between	n parents and their children
A. causing	B. resulting	C. leading	D. making
<b>49.</b> Instead of their	r children to do things in a v	ery controlling way, parents	try to explain what they expec
them to do and why they sh	ould do that.		
A. allowing	B. permitting	C. encouraging	D. forcing
<b>50.</b> Topics such as genders	and drugs, which used to be	e avoided in family conversa	tions are now more
A. common	B. popular	C. prominent	D. dominant
<b>51.</b> As children grow up, th	ey want to be more,	create their own opinions ar	nd make their own decisions
A. dependent	B. dependable	C. independent	D. undependable
<b>52.</b> I was tired and couldn'	t on doing my research <code>j</code>	project properly.	
A. concentrate	B. look	C. pay attention	D. Both A and C
<b>53.</b> All of my relatives are o	loctors—medical skill just _	in the blood. That type	e of passion can't be taught.
A. flows	B. runs	C. move	D. pass
<b>54.</b> For Mrs. White, 30, her	role as shop manager is a fa	ar from her previous jo	ob as an air hostess.
A. laugh	B. cry	C. try	D. run
<b>55.</b> Breadwinning and child	dcare are the roles o	f men and women in society	
A. respecting	B. respective	C. respectable	D. respectful
<b>56.</b> Julie and Mark, aged 17	' and 19		
A. expectingly	B. respectively	C. respectably	D. respectfully
<b>57.</b> He ranked first in the p	ublic English speaking cont	est. It was a perfectly	result.
A. respecting	B. respective	C. respectable	D. respectful
<b>58.</b> If I were you, I would _	the truth to your par	ents	
A. say	B. speak	C. talk	D. tell

<b>GLOBAL SUCCESS 1</b>	1				
<b>59</b> . Everybody	fun of him beca	use his family was	poor		
A. had	had B. made C. took D. gave				
<b>60.</b> I do not think th	at a different des	ign would have sig	nificantly	a difference.	
A. created	B. made		C. did	D. form	ed
Ex 5.	Fill in th	e blank with a su	itable word g	iven in the box	
taste	argument	footstep	express	ed view	gap
experience	nuclear	consist	respec		curious
1. From the paren	tal, chi	ldren are usually e	xpected to foll	ow traditional norms.	
		parents have the s			
3. One advantage of	of living in an	family is th	at there are m	ore experienced memb	ers to ask for help
when you are in a st	00				
		v		ortable because of less g	
	arents find it less	challenging to clos	e the generati	on between	them and their
children.					
		$_{ extstyle }$ of one parent wit			
	_	g in her father's			
	_	t that he hadn't tal	_		
		about/over w	9	·	
10. The old generat					
11. You should show	w <u>your</u> <u>parents</u> m	ore	because the	y are the ones who care	e about you most.
<b>12.</b> Babies are	abou	t everything aroun	d them, alway	s asking questions	
KEY 1. view		7	Cookaton		
2. taste			footstep expressed		
3. extented			argument		
4. nuclear			. experience		
5. gap		1	1. respect		
6. consist		1	2. curious		
Ex 6. Fill in the blank with a suitable word given in the box					
critical	social	_	eriment	hire	complain
upset	limit		ight	eyesight	career
1. Parents encourages their children to new ideas or method to solve the problems					
2. You mustn't your mother with agression and rebel					
	_	enable students to			
	•	_		leep time and cause we	-
_		•		nusical tastes,	_ choice and lifestyles.
				ate, work, and shop.	
	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •				
		new staff when yo	- 0		
9. My parents	my scree	en time so that I ca	n have more ti	me for outdoor activitie	es

10. Her grandma forbid her to wear \_\_\_\_\_ jeans and high heels

<mark>Key</mark>	
1. experiment	6. social
2. upset	7. complain
3. critical	8. hire
4. eyesight	9. limit
5. career	10. tight
Ex 7. Complete the followin	g sentences with the correct forms of the words in capitals
<ol> <li>He shouldn't treat his paren</li> </ol>	ts ( <b>DISRESPECT</b> )
2. My wife is	for cooking meals. ( <b>RESPONSIBILITY</b> )
3. We are in need of	professionals for this subject. ( <b>EXPERIENCE</b> )
4. There are at least three	living under the same roof in my family. (GENERATIONAL)
5. Members of Generation Z bo	orn in a time of great technological developments and changes are called
natives ( <b>DIGIT</b> )	
6. Each generation has its	, which are influenced by the historical, economic and social
conditions of the country they l	ive in (CHARACTER)
7. Gen Xers are known as	thinkers because they achieved higher levels of education than previous
generations ( <b>CRITIC</b> )	
8. Gen Zers are very	and able to experiment with social platforms to suit their needs (CREATE)
9. Many <u>important</u>	<u>documents</u> were <u>destroyed</u> when the <u>library</u> was burned ( <b>HISTORY</b> )
10. is one of the	e common characteristics of Generation Y ( <b>CURIOUS</b> )
<b>KEY</b>	
1. disrespectfully	6. characteristics
2. responsible	7. critical
3. experienced	8. creative
4. generations	9. historical
5. digital	10. curiosity
Ex 8. Fill in the blank with a s	suitable preposition
	rence attitudes or behaviour between younger and older age groups, which
can cause a lack of understandi	
	so we don't have to worry childcare. Our mom helps us take care of
our children when we go to wo	· · · · · · · · · · · · · · · · · · ·
3. Generation gap refers	the difference in the ways of thinking and perception in the people of
two different generations	
4. They're always arguing wi	th each other money.
5. She and I hold opposing vi	ews the matter of choosing an university
6. Finally, I decide to follow _	my father's footsteps to work in state-owned enterprise.
<ol><li>They came here last week,</li></ol>	and we'll pay a return visit them in the summer.
8. He's always worrying	his weight.
9 I never thought I could ma	ke it as an actor, but my parents always believed to me

GLOBAL SUCCESS 11
10. My work at that time just consisted typing letters.
11. There's a big difference viewpoints between members in his family
12. Her parents' opinions make no difference her decisions
13. Their lives are a far cry his own poor childhood
14. She's always arguing her mother about trivial things
15. I had a big argument with my brother small things this morning.
16. His parents hold different views the university he should enter
17. He wanted to follow his mother's footsteps and be a ballroom dancer.
18. We had a discussion generation gap
19. She had a lot of respect him as an actor, but didn't like the way he treated other members of the cast.
20. Everyone was respectful him, listening carefully to his long explanations
Ex 9. Fill in the blank with a suitable preposition
21. She looks down people who haven't been to college.
22. They adored him and looked up him because of his dedication to charity
23. He still lives his parents because of the high cost of housing
24. They have no money and are forced to live charity
<b>25</b> . We need to get more young people interested the sport.
<b>26.</b> These days we rely heavily computers to organize our work.
27. She showed a distinct lack enthusiasm for the idea of becoming a mother.
28. There have been changes in public attitudes marriage
29. I'm going to complain the authorities the noise of the new club
30. Children's growing need puts a burden their parents
<b>31.</b> My parents keep comparing me their friends' children
<b>32.</b> Her mom sympathized her because she had a lot of homework to do
33. We are need of will and determination to realize our dream
<b>34.</b> I <u>deeply</u> respect <u>David</u> what he has <u>achieved</u> .
<b>35.</b> She found herself conflict with her parents over her future career.
<b>36.</b> His ideas on childcare may differ considerably those of other parents.
37. Nuclear families consist parents and children
<b>38.</b> John often comes conflict with his boss.
39. This <u>necklace belonged</u> my <u>grandmother</u> .
40. Their children have all grown and left home now.
Ev 10 Eill in the blonk with a quitable manacition
Ex 10. Fill in the blank with a suitable preposition
41. He's got some <u>funny ideas</u> about how to <u>bring</u> <u>children</u> .
42. A new generation, labelled Gen Alpha will be the scene
43. She's gone a lot of difficulties in <u>order</u> to <u>achieve</u> what she has.
44. We're taking new <u>staff</u> at the <u>moment</u> .
<ul><li>45. People of Generation Y are known their curiosity</li><li>46. My parents are open new opinions</li></ul>
TO. My parents are open new opinions

GLOBAL SUCCESS 11			
47. Teenagers are good _	using electronic	devices	
48. My parents keep com	plaining my clo	thes and hairstyles	
49. How long did you spe	nd your homew	ork?	
<b>50.</b> They have had severa	l disagreements	their neighbours.	
<b>51.</b> Kenvin mainly uses h	is smartphone and laptop _	his study	
<b>52.</b> Too much screen time		•	
53. Was it really fair	•		work?
<b>54.</b> Look a comp			
<b>55.</b> Too much screen time	-	<b>G</b>	
<b>56.</b> The good thing about	<del>-</del>		new environments.
•	· -	•	alues different from their parents's one
58. He was quite close		·	nues amerent nom then parents s one
<b>59.</b> You mustn't wear sho			
			They will become less confident
their abilitie	<del>-</del>	otner s	They will become less confident
then abilities	25		
KEY			
1. in	21. on	41.	. up
2. about	22. to		on
3. to	<b>23. With</b>	43.	
		thi	ough
4. over/ about	24. on		. on
5. about	25. In		for
6. in	26. on	46.	. to
7. to	27. of	47.	. at
8. about	28. to/ towards	48.	. about
9. in	29. to/ about	49.	on .
10. of	30. on	50.	. With
11. m	<b>31. With</b>	51.	. for
12. to	<b>32. With</b>	52.	. for
13. from	33. In		. to
14. With	<b>34. for</b>		. at
15. over	35. in		. to
16. about	<b>36. from</b>		. to
17. In	37. of		. to
18. about	38. into		. to
19. for	39. to		against
20. to	40. up	60.	. to/ in
EX 11. Circle A R Cor F	to indicate the word(s)	CLOSEST in meaning t	to the underlined word(s)
	g methods of parents can d		
A. conventional	B. modern	C. uncommon	D. ineffective
Lat Convenient	IIIUULIII	v uncommul	<b>₽</b> 111C11CC11∀C

**2.** He got involved in a **quarrel** with his neighbour.

GLOBAL SUCCESS 11			
A. tradition	B. argument	C. debate	D. controversy
<b>3.</b> Open communication	can <u><b>bridge</b></u> the gap between	parents and children	
A. accept	B. increase	C. widen	<mark>D. shorten</mark>
4. This <u>flat</u> is <u>a far cry fr</u>	<b>om</b> the <u>house</u> they had befo	re.	
A. similar to	B. completely different fr	om C. indifferent to	D. extended
5. Despite being a kid. T	uan always helps his mothe	r do <u>the chores</u> every day.	
A. homework	B. works	C. housework	D. house duties
6. I deeply look up to Da	<u>avid</u> <b>for</b> what he has <u>achieve</u>	<u>d</u> .	
A. respect	B. see	C. disrespect	D. force
7. Their diet consisted of	$\mathbf{\underline{of}}$ vegetables which are good	l for health	
A. involved in	B. made up	C. was composed of	D. excluded
8. There were few similar	rities in the brothers' physic	cal <u>characteristics</u> .	
A. appearance	<mark>B.</mark> feature	C. quantity	D. attractiveness
9. Listening is an import	tant part of the relationship	between parents and childre	en en
A. special	B. certain	C. particular	<mark>D. vital</mark>
<b>10.</b> Her parents tried to <u>in</u>	nfluence her in her choice of	funiversity.	
A. affect	B. worry	C. follow	D. treat
<b>11.</b> Another factor lies in o	differences in musical tastes	, fashion, and political <u>views</u>	between young people and
their parents			
A. ideas	B. tastes	<mark>C. opinions</mark>	D. visions
<b>12.</b> With the price increas	es, we are all having to econ	omize from now on	
A. spend	B. waste	C. tighten our belt	D. save money
13. We have learn <u>valuab</u>	<u>le</u> lessons from our grandpa	rents	
A. valueless	B. worthless	C. memorable	<mark>D. invaluable</mark>
14. The poor harvest caus	sed prices to rise sharply.		
A. led	B. reasoned	C. brought about	D. resulted from
<b>15.</b> She laid down strict <u>r</u>	<u>ıles</u> for her tenants includin	g prompt payment of rent.	
A. law	B. regulation	C. power	D. order
16. Regardless of their ch	nildren's preference, they im	pose the profession they fav	or on their children (synonyms)
A. Rather than	B. Apart from	C. Irrespective of	D. Because of
17. Many parents find it h	ard to understand their chil	dren when they are <u>teenage</u> r	<u>rs</u> .
A. adults	B. elders	C. adolescents	D. kids
<b>18.</b> There're many <b>proble</b>	ems which are unavoidable v	when living in an extended fa	mily.
A. profits	B. issues	C. views	D. merits
19. The newborn baby <u>tal</u>	<mark>kes after</mark> his grandfather. Th	ney both have dimples	
A. cares for	B. resembles	C. differs from	D. look after
<b>20.</b> Their diet consisted o	$\mathbf{\underline{of}}$ vegetables which are good	l for health	
A. involved in	B. made up	C. was composed of	D. excluded
<b>21.</b> The poor harvest <u>caus</u>	sed prices to rise sharply.		
A. led	B. reasoned	C. brought on	D. resulted from
22. Teachers should diffe	<u>rentiate</u> clearly between di	fferent kinds of correction	
A. differ	B. tell the difference	C. consider	D. regard

### **GLOBAL SUCCESS 11 23.** The two groups were similar with respect to income and status. D. All are correct A. respecting B. in regard to **C.** concerning **24.** Could you **lend me a hand and pick up Nam from school** today? A. shake hands with me **B.** join hands with me C. help me D. hand out **25.** I thought being excellent at computers **runs in your family** A. is a common feature of a family C. is available to use in your family B. helps members in your family have good **D.** is what your family imposes on you. relationships **26.** My parents always **try** to control me and compare me with their friends' children A. effort B. attempt C. afford D. impose **27.** She laid down strict <u>rules</u> for her tenants including prompt payment of rent. B. regulation C. power D. order **28.** Her <u>parents</u> always <u>regarded</u> her as the <u>smartest</u> of <u>their children</u>. A. considered B. observed C. wished D. awarded 29. Despite some conflicts, by and large, our family is very happy A. In particular B. In general C. On the whole D. B&C **30.** Call me if you have any problems **regarding** your work. D. in respect to B. respected C. concerned A. respecting **31.** Norms are standards of behavior that are **typical** or accepted within a particular group or society B. normal A. unusual C. special D. specific **32.** My parents think that I am irresponsible but actually I am too **busy** to help around the house B. occupied C. full D. stressed **33.** There is one **particular** patient I'd like you to see. B. specific C. special D. normal A. general **34.** After not speaking to each other for years, the two brothers decided to **bury the hatchet/ difference**. A. stop being unfriendly and become friends again C. argue with each other B. have an open discussion D. have a row **35.** Have you **made up your mind** which university you will enter? A. offered B. planned C. decided D. enjoyed **36.** Many obese children are bullied at school **due to** their weight. A. despite B. because of C. in spite of D. besides **37.** <u>Carry on</u> following your dream and you will be successful in the future D. continue A. stop B. bring C. prevent **38.** In addition, she works as a nurse in the holidays. C. Therefore D. However A. Besides B. For example **39.** Teenagers now <u>values</u> individualism, freedom, competition A. appreciates B. costs C. evaluates D. complains **40.** She never <u>attempted</u> to explain her behaviour to her family. A. affected D. complains B. quit C. tried **41.** Our lives have changed a lot since computers have **come on the scene**.

A. disappeared

B. developed

**42.** She had very little office experience, so the company wouldn't **take on** her.

D. arrived

GLOBAL SUCCESS 11			
A. fire	<mark>B. hire</mark>	C. sack	D. interview
<b>43.</b> They <u>relied</u> on the adv	vice of their parents and tea	chers	
A. followed	<mark>B. depended</mark>	C. took	D. accepted
<b>44.</b> He had <b>gone through</b>	a very difficult time before	he succeeded in his business	
A. experimented	B. examined	C. experienced	D. adapt
Ex 11. Circle A. B. C or D	to indicate the word(s) 0	PPOSITE in meaning to the	underlined word(s)
<b>1.</b> If you live in an <b>exten</b>	<b>ded family</b> , you'll have grea	t joy and get support of other	r members.
A. close family	B. traditional family	C. nuclear family	D. large family
<b>2.</b> Domestic violence is s	trictly <u>f<b>orbidden</b></u> all over th	e world	
A. permitted	B. limited	C. restricted	D. prohibited
<b>3.</b> Jane found herself in $\underline{\mathbf{c}}$	onflict with her parents over	er her future career.	
A. disagreement	B. harmony	C. controversy	D. fighting
<b>4.</b> I can't <b>concentrate</b> or	n my work because of the no	ise caused by my children.	
A. focus	B. abandon	C. neglect	D. allow
<b>5.</b> We greatly <u>respect</u> my	y teacher for all of the best t	hings that she brought to us.	
A. look up to	B. look forwards	C. look for	D. look down on
<b>6.</b> There must be a mutu	al <u>trust</u> between parents an	d children	
A. reliance	B. belief	C. defendant	D. suspicion
<b>7.</b> He was studying the cor	nplex similarities and <u>diffe</u> ı	rences between humans and	animals.
A. distinction	B. resemblances	C. similarities	D. B&C
<b>8.</b> Although she was older	than her husband. She was	emotionally quite <b>immature</b>	<u>,</u>
A. adult	B. innocent	C. childish	D. childlike
<b>9.</b> A <u>typical</u> working day f	or me begins at 7.30.		
<mark>A. unusual</mark>	B. representative	C. normal	D. ordinary
<b>10.</b> John is <b>the black shee</b>	<b>ep of the family</b> . He is curre	ntly serving 5 years in jail for	rstealing a car
A. a member of a family w	ho is regarded as a disgrace	and an embarrassment	
B. a member of a family w	ho supports family by raisin	g sheep	
C. a member of a family wh	o confers prestige on his far	mily	
D. a breadwinner			
<b>11.</b> They are terribly <b>upse</b>	et by the break-up of their pa	arents' marriage.	
A. sad	<b>B.</b> worried	C. happy	<b>D.</b> funny
<b>12.</b> <u>Tight</u> jeans and high	heels are considered to be u	insuitable for teenagers	
A. loose	<b>B.</b> lost	<b>C.</b> relaxed	<b>D.</b> soft
<b>13.</b> She had very little office	ce experience, so the compa	ny wouldn't <u>take on</u> her.	
A. fire	B. hire	C. employ	D. interview
Ex 12. Circle A. B. C o	r D to indicate the words/	phrases that need correcti	on
1. I (A) <u>stayed</u> up (B) <u>late</u> la	ast night because I <mark>(C) <u>must</u></mark>	<mark>n't</mark> go to school (D) <u>on</u> Sunda	y.
2. We (A) <u>ought to not</u> play	y football (B) <u>as</u> (C) <u>it's raini</u>	ng (D) <u>outside</u> .	
3. (A) <u>According to</u> the rules (B) <u>of</u> this game, you <mark>(C) <u>had better not</u> (D) <u>drop</u> the ball.</mark>			
4. (A) <u>The</u> school regulations (B) <u>say</u> that students (C) <u>don't have to</u> (D) <u>fight</u> each other.			
5. You ought (A) to not be rude (B) to your friends; otherwise people (C) will say you (D) have no manners.			
6 (A) Some teenaders (R)	want avnancing clother wh	ich (C) can leads to financial	hurden (D) on their parents

- 7. I have to (A) tidied my room before my mother (B) comes back home. She (C) can't stand a (D) messy house
- 8. She (A) should go (B) out late (C) at night because of danger
- 9. She (A) have to speak English (B) well (C) because her current job (D) needs it
- 10. (A) You must wear a helmet when you (B) ride a motorbike, (C) otherwise you will (D) be punished
- 11. He (A) oughtn't to find another (B) solution to this problem if he (C) doesn't want to get (D) fired
- 12. You (A) <u>ought to</u> stay up (B) <u>at night</u>, (C) <u>which</u> is (D) <u>not good</u> for your health
- 13. We (A) haven't to (B) buy souvenirs (C) for Sally. She (D) doesn't like them
- 14. You (A) don't have to use (B) mobile phones (C) in the class because of their (D) negative effects

### Ex 13. Circle A. B. C or D to indicate the words/ phrases that need correction

- 1. You (A) have to (B) made sure that children (C) don't play outside alone.
- 2. You (A) <u>mustn't</u> (B) <u>uses</u> the motorbike without a driver's license. It's (C) <u>against</u> the law.
- 3. Drivers (A) haven't (B) to stop at (C) yellow traffic lights.
- 4. You (A) <u>ought</u> (B) <u>to taking</u> him (C) <u>to</u> the emergency room.
- 5. During the lesson, (A) does you (B) have (C) to listen to your teacher carefully and take notes quickly.
- 6. Students (A) <u>don't have to</u> (B) <u>consume</u> (C) <u>food or drink</u> in the class or in the library.
- 7. Get out of the grass! (A) You (B) must walk on the grass (C) here.
- 8. The baby (A) is sleeping. (B) You (C) don't have to shout.
- 9. Lien, we (A) must (B) are (C) quicker or we will miss the last train to Hai Phong city.
- 10. You (A) have to (B) feed the dog. (C) I've already fed it.

### Ex 14. Mark the letter A. B. C. or D to indicate the underlined part that needs correction

- 1. (A) <u>I will leave</u> the party early (B) <u>because</u> (C) <u>I must</u> (D) <u>studying</u> for my exam.
- **2.** I (A) <u>stayed</u> up (B)<u>late</u> last night because I (C) <u>mustn't</u> go to school (D) <u>on</u> Sunday.
- 3. We (A) ought to not play football (B) as (C) it's raining (D) outside.
- 4. You (A) <u>mustn't</u> (B) <u>to drive</u> a car (C) <u>if</u> you (D) <u>don't have</u> a driving licence.
- 5. If you (A) <u>want</u> some useful (B) <u>advice</u>, you (C) <u>have better</u> talk to your parents (D) <u>about</u> your problem.
- **6.** I (A) had stay at home 3 days (C) due to (D) snowing heavily.
- 7. Because of his (A) poverty, he (B) has to (C) struggling to (D) make ends meet.
- **8.** (A) <u>According to</u> the rules (B) <u>of</u> this game, you (C) <u>had better not</u> (D) <u>drop</u> the ball.
- **9.** If you want (A) <u>to get</u> a higher mark in the next test, you (B) <u>have better</u> put (C) <u>more</u> effort (D) <u>into</u> vocabulary.
- 10. We (A) shouldn't make an appointment (B) with this doctor. You (C) can see him whenever you (D) want.
- 11. Look at the sky, it (A) <u>is going to</u> rain. (B) <u>Thus</u>, you (C) <u>must</u> bring (D) <u>along</u> a raincoat.
- 12. I (A) ought to go home now (B) because I don't want (C) to walk in the (D) dark.
- 13. (A) <u>As</u> our teacher said yesterday, we (B) <u>ought to not</u> worry (C) <u>about</u> the mid-term test. (D) <u>Take</u> it easy.
- **14.** This competition is (A) <u>optional</u>, so we (B) <u>not</u> (C) <u>have to</u> take part in (D) <u>it</u>.
- 15. (A) <u>Despite</u> having (B) <u>a little</u> chance to win, you (C) <u>should</u> give up your dream (D) <u>of</u> becoming a star.
- **16.** The professor (A) <u>told</u> me that we (B) <u>should</u> give this assignment in (C) <u>by</u> Thursday at the (D) <u>latest</u>.
- 17. What you (A) should do now is (B) to make slides for the presentation tomorrow as we have (C) a little time (D) left.
- **18.** You (A) have to apply (B) for this position (C) as soon as possible (D) since it has only three vacancies.
- 19. Ms. Anna (A) will give a fascinating lecture at 8 a. m., (B) so you (C) should (D) be here at 7.45 to check in.
- **20.** My (A) <u>advice</u> is you (B) <u>have to</u> consider carefully (C) <u>before</u> (D) <u>making</u> the final decision.

Ex 15. Circle A. B. C. or D to indicate the correct in	response to each of the f	ollowing exchanges.		
1. Lan: Mum, can I go to my friend's birthday party	this Saturday evening?			
Lan's mother: Whose birthday is it?				
A. None of my business B. Please do	C. Certainly	D. How dare you		
2. Lan: Is it OK if I stay the night at her house after	the party?			
Lan's mother: Oh, You must come back ho	ome before 10 p.m.			
A. Go ahead B. Sorry to hear that	C. Sure	D. I'm afraid not		
3. Nam: Mum, can I invite my friends to party tonig	tht?			
Nam's father: It would be great.				
A. Of course you can  B. Please don't	C. Sorry	D. I'm afraid not		
4. Nam: Dad, do you mind if I color my hair?				
Nam's father: It is unsuitable for students	like you.			
A. Of course you can  B. I'm sorry but that's n	ot possible			
C. Go ahead D. I can't agree more				
5 "Would you mind if I opened the windows? It's	too stuffy in here." – "	,, 		
A. Yes, of course.  No, please do.	C. I think it is OK.	D. You look so tired		
6. "From my point of view, all family members show	uld share the chores equal	ly". – ""		
A. It's a breathtaking view.  B. You lied to me.				
C. But you're right.	D. There's no doubt al	out it.		
7. "I've been awarded a scholarship to Harvard Uni	iversity." – ""			
A. Just kidding!  B. It's up to you.	C. Good job!	D. Same to you. Thanks!		
8. "Don't forget to finish your homework before cla	ass". – ""			
A. I'll do it later.  B. Not much.	C. It's quite difficult.	D. Thank you for reminding me		
9. "Thanks a lot for helping me fix the car yesterday	y." – ""	-		
A. I'd love to.  B. You're welcome.	C. Of course not.	D. I like it.		
10. "I've seen John at the workshop on communicati				
A. I see. I'll call him.	C. That can't be J	ohn because he's in Paris now.		
B. The workshop was very useful.	D. No, I don't thi	nk so.		
11. "How do I sign up for the psychology course?" –	"			
A. You need to fill in the online application form first.	<b>C.</b> The course wa	s full.		
B. It's not yours.	D. Your deadline	e is May 15.		
12. "What's about going to the waterpark?" – "	<b>"</b>			
A. That's a good idea  B. That's right.	C. Of course!	D. I'm sorry I can't.		
13. "Hi, I'd like to buy three tickets for the <i>Lost in Fed</i>	ar."			
A. How many tickets?	B. I'm sorry. They wer	e sold out.		
C. We don't like this film.	D. You should see other	er interesting films.		
<b>14.</b> "Do you enjoy buying souvenirs?" – ""				
A. No, I don't.  B. No, thank you!	C. Never mind	D. No, I am not.		
15. "Which show would you like to watch, madam?"	_ ""			
A. Here you are! B. No, thanks.	C. I am sorry.	D. Pardon?		
16. "What did you do on Sunday?" – ""				

GLOBAL SUCCESS 11			
A. No way!	B. Not much.	C. It was great.	D. I don't care.
<b>17</b> . "I love listening to	rock n' roll. How about yo	u?" - ""	
A. I can't stand it.	B. I can't help it.	C. I can't do it.	D. I can't wait for it.
Ex 16. Rewrite the f	ollowing sentences as lo	ng as the meaning is unch	angeD. using modals
1. It is better for you to	o talk to your parents abou	it your problem.	
You  2. If I were you, I would study hard to pass the exam You  3. It is a good idea for us to learn vocabulary every day. We  4. I'd advise you to tell the truth to your family You  5. It is not neccesary for us to wear uniforms every day			
2. If I were you, I woul	d study hard to pass the ex	am	
You		<del></del>	
3. It is a good idea for	us to learn vocabulary eve	ry day.	
We			
4. I'd advise you to tell	the truth to your family		
You			
<b>5.</b> It is not neccesary fo	or us to wear uniforms eve	ry day	
I			
6. We aren't allowed to	o drive without wearing a	helmet.	
We			
7. It is necessary for yo	oung people to plan their f	uture career carefully	
Young people			
<b>8.</b> It is very important	to pay attention to the con	tent of the lesson.	
You			
KEY:			
1. You ought to/s	hould talk to your parents	about your problem.	
	hould study hard to pass t		
	hould learn vocabulary ev		
	hould tell the truth to your	•	
	to wear uniforms every da	•	
	ve without wearing a helm		
	nust plan their future care	•	
8. You must pay a	attention to the content of t	the lesson.	
Ev 17 Dovumito co	ah aantanaa oo that tha m	ove conton so has a similar	
	ch sentence so that the h	ew sentence has a similar	r meaning to the original one, using
modals	acceptant to gotiafy all their	n shildnen's noods	
	ecessary to satisfy all their		
	ou try to avoid all junk foo		
•	ou try to avoid all julik foo		
		– l to process a bank transfer	2
•	now my identification care	•	:
	ne you need to emphasize	something is not a good ide	ca.
		– k alcohol in pubs or shops i	fyou are under 10
•	· · · · · · · · · · · · · · · · · · ·		i you are unuer 10.
m me ok, you			

### **GLOBAL SUCCESS 11 6.** Residents in this city are strictly forbidden to engage in any illegal religious activities. → Residents in this city It's my brother's duty to clean the house every weekend 7. → My brother \_\_\_ Visitors are not allowed to leave the island because of a terrible storm. → Visitors **KEY** Parents don't have to satisfy all their children's needs. 1. 2. You should/ought to avoid all junk food Do I have to show my identification card to process a bank transfer? 3. You shouldn't/ ought not to swear every time you need to emphasize something. 4. 5. In the UK, you mustn't buy or drink alcohol in pubs or shops if you are under 18. 6. Residents in this city mustn't engage in any illegal religious activities. 7. My brother must clean the house every weekend 8. Visitors mustn't leave the island because of a terrible storm. Ex 18. Rewrite the following sentences as long as the meaning is unchanged, using modal verbs **1.** I **advise** him to stop wasting money on lottery. He 2. It's **necessary** for you to finish your homework before going to bed It isn't **necessary** for you to bring food and drink for lunch. Fishing is **not allowed** in this park. You Every receptionist in our hotel is **obliged** to wear a uniform. Every receptionist in our hotel \_\_\_\_\_ **6.** It's **forbidden for shops** to sell cigarettes to children. Shops \_\_\_ 7. It's **optional** for waiters to wear a tie. His doctor **advises** him not to drink too much alcohol.

9. It's **obligatory** for every employee to keep the company's information secret.

**10**. Teachers **advise** me to study English to get a good job

Every employee \_\_\_\_\_

I

### **KEY**

- 1. He ought to/should stop wasting money on lottery.
- 2. You must finish your homework before going to bed
- 3. You don't have to bring food and drink for lunch
- 4. You mustn't fish in this park
- 5. Every receptionist in our hotel has to wear a uniform
- 6. Shops mustn't sell cigarettes to children.
- 7. Waiters don't have to wear a tie
- 8. He shouldn't/ oughtn't to drink too much alcohol
- 9. Every employee has to keep the company's information secret
- 10. I ought to/should study English to get a good job

Ex 19. Complete the sentences without changing the meani	Ex :	<b>19</b> .	Complete	the sentences	without	changing	the meanir
--	------	-------------	----------	---------------	---------	----------	------------

1. It is a good idea for me to do voluntary work.
I
2. It is very important for us to do well at school.
We
3. It is not necessary for me to agree with everything my parents say.
Ι
4. My parents never let me forget to do my homework.
My parents always
5. They don't allow me to stay overnight at my friend's house.
They don't let
6. My mother expects me to work as a teacher like her.
My mother
7. He is interested in participating in social media
He is keen
8. His mother fobides him to play computer games
His parants don't allow

### KEY:

- 1. I should do voluntary work
- 2. We must do well at school
- 3. I don't have to agree with everything my parents say
- 4. My parents always remind me to do my homework
- 5. They don't let me stay overnight at my friend's house
- 6. My mother expects me to follow in her footstep
- 7. He is keen on participating in social media

8. My parents don't allow me to go out with my friends at the weekend

Ex 20. Rewrite each sentence using the word(s) in the brackets, without changing its meaning.
1. If I were you, I would spend more time talking with children.
You
2. John doesn't get permission to use that computer.
John
<b>3.</b> It is necessary that people who work here leave by 6 p.m.
People
<b>4.</b> Every staff isn't allowed to smoke or eat in the office.
Every staff
5. Customers are advised to check their luggage before leaving the airport.
Customers
<b>6.</b> It is forbidden for students to cheat in the exam
Students
7. Ms. Ly is in charge of cleaning the floor every day.
Ms Ly has
8. You are not allowed to take photographs in the museum.
You
9. It would be a good idea for you to share the housework with your mother.
You
10. It is not necessary for Jack to call Ben today.

### **KEY**

- 1. You should/ought to spend more time talking with children
- 2. John mustn't get permission to use that computer
- 3. People who work here must leave by 6 p.m
- 4. Every staff musn't smoke or eat in the office
- 5. Customers should check their luggage before leaving the airport
- 6. Students mustn't cheat in the exam
- 7. Ms Ly has to clean the floor every day
- 8. You mustn't take photographs in the museum
- 9. You should/ought to share the housework with your mother
- 10. Jack doesn't have to call Ben today

### Ex 21. Complete the following sentences, using given words

1. Many/teenager/spend/too/much/time/digital/device

# 2. Parents/ should/ strictly/ limit/ children's/ screen time/ because/ bad/ effect/ digial/ device 3. My/ parent/ keep/ complain/ clothes/ hairstyles 4. Lan/ not/ allowed/ colour/ hair/ or/ wear/ high heels 5. Lien's/ grandma/ not/ allow/ her/ wear/ tight jeans 6. Despite/ old age/ my/ grandparent/ open/ new/ ways/ thinking 7. Young/ generation/ good/ use/ electronic/ device 8. Nam's/ parent/ not/ force/ him/ follow/ footstep Key 1. Many teenagers spend too much time on digital devices 2. Parents should strictly limit children's screen time because of the bad effects of digital devices

- 3. My parents keep complaining about my clothes and hairstyles
- 4. Lan is not allowed to colour my hair or wear high heels
- 5. Lien's grandma doesn't allow her to wear tight jeans
- 6. Despite their old age, my parents are open to new ways of thinking
- 7. Young generation is good at using electronic devices
- 8. Nam's parents don't force him to follow in their footsteps

### Ex 22. Listen to the conversation. Decide if the following sentences are true (T) or false (F).

	TRUE	FALSE
1. Linda's parents are pleased with her choice of clothes.		
2. Tom shares Linda's opinion on clothes.		
3. Linda wants to look more fashionable.		
4. Tom's parents don't let him play computer games.		
5. Playing computer games is a form of relaxation for		
Tom.		

### **KEY**

1. F 2. F 3. T 4. T 5. T

**Ex 23.** Listen to the recording about relationship problems between parents and teenage I children. Decide whether the following statements arc true (T), or false (F) according I to the speaker.

	T	F
1. Parents sometimes find it hard to talk to their teenage children.		
2. Teenagers always like talking about their school work.		

# 3. Teenagers hate questions that aim to check up on them. 4. Parents should push their teenage children to talk about school, work and future plans, if necessary. 5. Parents should watch for danger signs in some teenagers who may smoke or try using drugs or alcohol. KEY

4. F

5. T

# Ex 24. Read the following passage and mark the letter A. B. C. or D to indicate the correct answer to each of the questions.

1. T

2. F

3. T

### THE GENERATION GAP

People talk about the generation gap as a kind of division between young people and their parents. It is something which is generally a problem when children enter their teenage years, and (1)\_\_\_\_\_ in complaints on both side. Parents, for example, can often be heard to say that young people are (2)\_\_\_\_ and disobedient and in addition tend to be irresponsible when spending because they don't appreciate the (3)\_\_\_\_ of money. Adolescents, on the other hand. complain that their parents don't understand them.

What has gone wrong? One explanation (4)\_\_\_\_ in how society has changed. In the past, children would typically continue the way of life of their parents. In today's world. parents are very (5)\_\_\_\_ for their children because they want them to achieve more than they did. The problem is that the children often don't agree with their parents' plans. Teenagers also reach maturity at an earlier age than they used to and want their independence sooner. The resulting conflict is painful to both sides.

1.	A. leads	B. brings	C. results	D. contributes
2.	A. disrespected	B. disrespectful	C. disrespectable	D. disrespecting
3.	A. cost	B. worth	C. value	D. amount
4.	A. puts	B. stays	C. lies	D. comes
<b>5.</b>	A. ambitious	B. demanding	C. required	D. expectant

## Ex 25. Read the following passage and mark the letter A. B. C. or D to indicate the correct answer to each of the questions.

There are some ways by which generation gap can be bridge D. Firstly, parents and their children have to be aware of the importance of open communication. In order to break the "ice" and rebuild a close parent-child relationship, communication is extremely crucial. Parents should not only concentrate (1) \_\_\_\_\_\_ their jobs and leave their children alone. They have to reserve some specific time to be with their children and show care to them. Similarly, children have to discuss serious things or big decisions with their parents as it (2) \_\_\_\_\_\_ respect to them. On the whole, both parents and children should try to explain their ideas to family members in a forgiving manner without anger or hatred

The second one is that parents must not put too much pressure on their children's studies. Parents (3) \_\_\_\_\_\_ have too high expectation. They have to discuss their children's progress with the teachers. Moreover, parents should work closely with schools through Parent-Teacher Association in order to participate in more talks and extracurricular activities with their children. (4) \_\_\_\_\_\_, parents should know what their children like the most.

Ind	ee <mark>d.</mark> they should give th	eir children a chance to ch	oose what they love if the cl	hoices resort to proper outlets
Acc	ordingly, the generation	gap between parents and th	neir children can easily be bri	dge <mark>d</mark>
1.	A. in	B. for	C. on	D. with
2.	<mark>A. shows</mark>	B. gets	C. feels	D. takes
3.	A. should	B. shouldn't	C. have to	D. must
4.	A. However	B. Therefore	C. As a result	D. Furthermore
Ex	26. Read the following	text and choose the best a	nswer to fill in the blank	
	When a person (1) $\_$	influenced by thei	r friends or peers to behav	e in a certain way or adopt a
par	ticular type of behavior,	dress, or attitude in order	to fit in, this is peer pressur	re. Feeling accepted is a strong
dri	ving force for people of	all ages, and so learning h	now to deal (2) pee	r pressure—both positive and
neg	ative—is an important	life skill. Peer pressure is	usually perceived as sometl	ning negative, such as when a
per	son feels compelled by t	heir peers—whether friend	ls or not—to do something t	hat they don't want to do. The
tee	n years are a time when	many people experiment	and push boundaries, often	because they want to impress
the	ir friends. While negative	e peer pressure makes a pe	erson feel unhappy, unwell, c	or uncomfortable, positive peer
pre	ssure boosts a person's f	eelings of wellness and (3)	When individuals	align themselves with positive
pec	ple, the supportive atmo	osphere can lead to healthy	y choices. (4), whe	en friends join a club or sports
tea	m, or work hard to achiev	ve good marks, it can have a	positive effect on everyone i	n that group.
1.	A. remains	B. are	C. feels	D. smells
2.	A. to	B. with	C. for	D. of
3.	A. arguments	B. conflicts	C. anger	D. happiness
4.	A. For example	B. However	C. Therefore	D. As a result
Ex	27. Read the following	passage and mark the let	ter A. B. C. or D to indicate	the correct answer to each
of t	he questions.			
]	My family are a funny lot	. Take my father's brother, I	Uncle George, for (1)	He's the black (2) of the
fan	nily and nobody ever mer	ntions him unless they are a	isked a direct question about	him. He ran away to sea at the
age	of 15 and no one heard	a(n) (3) from him u	ntil he returned 20 years late	er. During his absence, he'd had
a lo	ot of adventures but he m	nade no money at all and hi	s brothers had to support hi	m until he found himself a job
(4)	took a long time b	oecause he had no skills and	l training in any trade apart	(5) seamanship. During
his	time, he kept getting (6)	trouble and this also	made him unpopular with h	is brothers. They, (7),
wo	rked hard all their lives,	supported their families a	and had no (8) with p	eople who seemed to have no
sen	se of responsibility like	Uncle George. As far as I a	m (9), this makes th	em much less interesting than
hin	and I don't think it's rig	ht that they should look (10	)) on their brother. He i	may be the black sheep to them
but	to me after all his years o	of excitement and hardships	s at sea he seems a hero.	
<b>1.</b> .	<mark>A. instance</mark>	B. examples	C. sure	D. good
<b>2</b>	A. lamb	B. sheep	C. deer	D. chicken
<b>3</b>	<mark>A. word</mark>	B. news	C. sentence	D. information
4.	A. who	B. that	C. which	D. when
<b>5.</b> .	A. of	B. in	C. for	D. from
<b>6.</b> .	A. on	B. in	C. into	D. up
<b>7.</b> .	A. therefore	B. furthermore	C. on the other hand	D. what's more
<b>8.</b> .	A. sympathize	B. sympathy	C. sympathetic	D. sympathetically
<b>9.</b> .	<mark>A. concerned</mark>	B. known	C. worried	D. anxious

10. A. up B. down C. at D. for

### Ex 28. Read the passage and do the tasks below.

The generation gap, which refers to a broad difference between one generation and another, especially between young people and their parents, usually leads to numerous conflicts. Such family conflicts can seriously threaten the relationship between parents and children at times.

It goes without saying that, however old their children are, parents still regard them as small kids and keep in mind that their **offspring** are too young to protect themselves cautiously or have wise choices. Therefore, they tend to make a great attempt to help their children to discover the outside world. Nevertheless, they forget that as children grow up, they want to be more independent and develop their own identity by creating their own opinions, thoughts, styles and values about life.

One common issue that drives conflicts is the clothes of teenagers. While teens are keen on wearing fashionable clothes which try to catch up with the youth trends, parents who value traditional clothes believe that those kinds of attire violate the rules and the norms of the society. It becomes worse when the expensive brand name clothes teens choose seem to be beyond the financial capacity of parents.

Another reason contributing to conflicts is the interest in choosing a career path or education between parents and teenagers. Young people are told that they have the world at their feet and that dazzling future opportunities are just waiting for them to **seize**. However, their parents try to impose their choices of university or career on them regardless of their children's preference.

Indeed, conflicts between parents and children are the everlasting family phenomena. It seems that the best way to solve the matter is open communication to create mutual trust and understanding.

Task 1. Decide whether the following statements are True, False or Not Given.

	TRUE	FALSE
1. According to the passage, the relationship between parents and children is not easily destroyed		
by the family conflicts.		
2. As children get older, parents let them live on their own way and do what they are interested in.		
3. Teenagers try to please their parents by wearing traditional clothes.		
4. Parents want children to follow their wishes in deciding the education and future jobs.		
5. Some parents indulge their children with expensive brand name clothes.		
6. In order to bridge the gap between the old generation and the younger one, open		
communication to promote mutual understanding is the vital key.		

KEY

1. F 2. F 3. NG 4. T 5. NG 6.T

### Task 2. Choose the best answers for the following questions.

- 1. Why do most parents still treat their teenage children like small kids?
- A. Because children usually make mistakes
- B. Because they think that children are too young to live independently.

### **C.** Because they think that children can't protect themselves well.

2. The word "offspring" in the second paragraph refers to \_\_\_\_.

A. parents

- B. children
- C. mind
- 3. What do parents usually do to help their children as they are young?
- A. They prepare everything for their children.
- B. They take care of their children carefully.
- C. They encourage their children to explore the outside world
- 4. Which kinds of clothes do teenagers want to wear?
- A. latest fashionable clothes B. casual clothes
- C. shiny trousers and tight tops
- 5. According to the passage, what are parents' viewpoints about the teenagers' clothes?
- A. Teenagers' clothes get the latest teen fashion trends.
- B. Teenagers' clothes are too short and ripped
- C. Teenagers' clothes are contrary to the accepted standards and values of the society.
- 6. Why do teenagers want to choose their university or career?
- **A.** They want to explore the world on their own.
- **B.** They want to decide their future by themselves.
- C. Both A and B are correct.
- 7. The word "seize" in the fourth paragraph is closest in meaning to \_\_\_\_.
- A. catch

- **B.** choose
- C. find
- 8. Which can be the best title for the passage?
- A. Where do parent-child conflicts come from?
- B. How are children different from their parents?
- **C.** How do we bridge the generation gap?

### Ex 29. Read the following text and choose the best answer

The family dynamic evolves as a teen matures, and can test the parent-teen relationship. With both sides feeling mixed emotions, this time can be challenging.

Puberty brings lots of emotions for teens, and is a time of readjustment for the whole family. Parents have a huge influence on a young child's values and interests, and so it can often feel hard for them to separate from their teen, who wants to develop their own identity and to have new freedoms. **This** may lead to conflict, as both parents and teens need time to figure out how to adapt the relationship.

As teens get older, it is important for them to take on responsibilities. This highlights the valuable contribution each family member makes to a home, and teaches teens about what it's like to be an adult. Setting clear rules about routine and home life helps teens to know what's expected of them—even if they do complain or resist. Expectations go both ways, however, and so constant communication and flexibility when necessary will help avoid conflict.

It is important for parents and teens to overcome life's many distractions in order to spend quality time together. For parents, maintaining a close relationship with a teen who is preprogrammed to separate from them can be tricky, but it helps to be present and <u>willing</u>. Talking about the things that are going well is as helpful as discussing areas of conflict

- 1. What is the main idea of the passage?
- A. Puberty of teenagers

C. Parent-teen relationship

B. Teens' romantic relationship

D. Teens' responsibilities

- The word "this" in paragraph 2 refers to:
- A. Puberty brings lots of emotions for teens
- B. Parents have a huge influence on a young child's values and interests
- **C.** Both parents and teens need time to adapt the relationship
- D. Parents cannot separate from their teens who want to be free
- The word "willing is CLOSET in meaning to 3.
- A. shocked
- B. ready C. strict
- **D.** sympathetic
- Which of the following is **NOT TRUE** about the sollution as teens get older?
- A. Complain and resist

**C.** Set rules about routine and home life

B. Communicate constantly

C. "completely unaware of"

**D.** Ask teens to take on responsibilities

### Read the following passage and mark the letter A. B. C. or D to indicate the correct answer to each Ex 30. of the questions.

If parents bring up a child with the sole aim of turning the child into a genius, they will cause a disaster. According to several leading educational psychologists, this is one the biggest mistakes, which ambitious parents make. Generally, the child will be only too aware of what his parents expect, and will fail. Unrealistic parental expectations can cause great damage to children.

However, if parents are not too unrealistic about what they expect their children to do, but ambitious in a sensible way, the child may succeed in doing very well – especially if the parents are very supportive of their child Michael Collins is very lucky. He is **crazy about** music and his parents help him a lot by taking him to concerts and arranging private piano and violin lessons for him. They even drive him 50 kilometers twice a week for violin lessons. Michael's mother knows very little about music but his father plays the trumpet in a large orchestra. However, he never makes Michael enter music competitions if he is unwilling.

Winston Smith, Michael's friend, however, is not so lucky. Both his parents are successful musicians, and they set too high a standard for Winston. They want their son to be successful as they are and so they enter him for every piano competition held. They are very unhappy when he does not win. Winston is always afraid that he will disappoint his parents and now he always seems quiet and unhappy.

D. "confused about"

**Question 1.** One of the serious mistakes parents can make is to \_\_\_\_\_. A. push their child into trying too much **B.** help their child to become a genius. **C.** make their child become a musician. **D.** neglect their child's education. Ouestion 2.: Parents' ambition for their children is not wrong if they \_ A. force their children into achieving success **B.** themselves have been very successful **C.** understand and help their children sensibly **D.** arrange private lessons for their children **Question 3.** Who have criticized the methods of some ambitious parents? **A.** Successful musicians. **B.** Unrealistic parents. **C.** Their children. **D.** Educational psychologists. **Question 4.** Michael Collins is fortunate in that \_\_\_\_\_. A. his father is a musician B. his parents are quite rich C. his mother knows little about music D. his parents help him in a sensible way **Question 5.** The phrase "crazy about" in the passage mostly means \_\_\_\_\_. A. "surprised at" B. "extremely interested in"

### **GLOBAL SUCCESS 11 Question 6.** Winston's parents push their son so much and he **A.** has won a lot of piano competitions B. cannot learn much music from them C. has become a good musician D. is afraid to disappoint them **Question 7.** The word "**They**" in the passage refers to \_\_\_\_ **C.** parents in general D. Michael's parents A. concerts **B.** violin lessons **Question 8.** All of the following people are musical EXCEPT \_\_ A. Winston's father **B.** Winston's mother D. Michael's mother C. Michael's father **Question 9.** The word "unwilling" in the passage mostly means \_\_\_\_ A. "getting ready to do something" B. "eager to do something" C. "not objecting to doing anything" D. "not wanting to do something" **Question 10.** The two examples given in the passage illustrate the principle that \_\_\_\_\_. A. successful parents always have intelligent children

B. successful parents often have unsuccessful children

C. parents should let the child develop in the way he wants

**D.** parents should spend more money on the child's education.

Ex 31. Read the text and questions below, Mark the correct letter A. B. C or D for each question.

### IS THERE REALLY A GENERATION GAP?

According to the results of a survey in USA WEEKEND Magazine, there isn't really a generation gap. The magazine's "Teens & Parents" survey shows that today's generation of young people generally get along well with their parents and appreciate the way they're being raised. Most feel that their parents understand them, and they believe their parents consider family as the No. 1 priority in their lives. Although more than a third of teens have something in their rooms they would like to keep secret from their parents, it is usually nothing more harmful than a diary or a CD.

Such results may seem surprising in the context of the violent events that people hear about in the media. Maybe because of the things they hear, parents worry that their own kids might get out of control once they reach the teenage years. However, the facts in the survey should make us feel better. The survey shows us that today's teens are loving and sensible. They are certainly happier than the angry people in the teenage stereotypes we all know about. True, some teenagers are very angry, and we need to recognize their needs, but the great majority of teens are not like that at all.

In contrast to some stereotypes, most teens believe they must be understanding about differences among individuals. Many of <u>them</u> volunteer for community service with disadvantaged people. When they talk about themselves, their friends and their families, they sound positive and proud. Generally, these are very nice kids.

Is this spirit of harmony a change from the past? Only a generation ago, parent-child relations were described as the "generation gap". Yet even then, things were not so bad. Most kids in the 1960s and 1970s shared their parents' basic values.

Perhaps, however, it is true that American families are growing closer at the beginning of this new millennium. Perhaps there is less to fight about, and the dangers of drug abuse and other unacceptable behavior are now well known. Perhaps, compared to the impersonal world outside the home, a young person's family is like a friendly shelter, not a prison. And perhaps parents are acting more like parents than they did 20 or 30 years ago.

**1.** What did the survey find out about teenagers in paragraph 1?

A. They get along well with their parents.

B. They appreciate good CDs.

**C.** They keep secrets from their parents.

**D.** They stay in their rooms.

- **2.** What is the stereotype referred to in paragraph 2?
- A. Teens are people who recognize their needs.
- $\mbox{\ensuremath{\text{C}}}.$  Teens are much happier than we think.

B. Teens are loving and sensible.

- D. Teens are angry people.
- **3.** What does the word '**them**' in paragraph 3 refer to?
- **A.** stereotypes
- **B.** individuals
- C. teens

D. families

- **4.** What is the main idea of paragraph 3?
- **A.** Differences between teens.

- **B.** Stereotypes about teens.
- C. The positive attitude of teens to others.
- **D.** Volunteering for disadvantaged people.
- 5. In the last paragraph, according to the writer, one reason why American families are closer is that \_\_\_
- A. the dangers of drug abuse are less.

B. there is no generation gap.

C. parents are friendlier to children.

**D.** the world is an unfriendly place.

# Ex 32. Read the following passage and mark the letter A. B. C. or D to indicate the correct answer to each of the questions.

In American, although most men still do less housework than their wives, that gap has been halved since the 1960s. Today, 41 per cent of couples say they share childcare equally, compared with 25 percent in 1985. Men's greater involvement at home is good for their relationships with their spouses, and also good for their children. Hands-on fathers make better parents than men who let their wives do all the nurturing and childcare. They raise sons who are more expressive and daughters who are more likely to do well in school - especially in math and science.

In 1900, life expectancy in the United States was 47 years, and only four per cent of the population was 65 or older. Today, life expectancy is 76 years, and by 2025, it is estimated about 20 per cent of the U.S. population will be 65 or older. For the first time, a generation of adults must plan for the needs of both their parents and their children. Most Americans are responding with remarkable grace. One in four households gives the **equivalent** of a full day a week or more in unpaid care to an aging relative, and more than half say they expect to do so in the next 10 years. Older people are less likely to be impoverished or incapacitated by illness than in the past, and have more opportunity to develop a relationship with their grandchildren.

Even some of the choices that worry people the most are turning out to be **manageable**. Divorce rates are likely to remain high, and in many cases marital breakdown causes serious problems for both adults and kids. Yet when parents minimize conflict, family bonds can be maintained. And many families are doing **this**. More non-custodial parents are staying in touch with their children. Child-support receipts are rising. A lower proportion of children from divorced families are exhibiting problems than in earlier decades. And stepfamilies are learning to maximize children's access to supportive adults rather than cutting them off from one side of the family.

- **1.** Which of the following can be the most suitable heading for paragraph 1?
- A. Men's involvement at home

C. Drawbacks of men's involvement at home

- B. Benefits of men's involvement at home
- **D.** Children studying math and science
- **2.** Nowadays, \_\_\_ of men help take care of children.
- A. 50%

B. 41%

**C.** 25%

**D.** 20%

- **3.** According to the writer, old people in the USA \_\_\_\_.
- A. are experiencing a shorter life expectancy
- B. receive less care from their children than they used to
- C. have better relationships with their children and grandchildren
- D. may live in worst living conditions

### **GLOBAL SUCCESS 11 4.** Which of the following is NOT true about divorce rates in the USA? A. They will still be high. **B.** They can cause problems for both parents and children. C. More problems are caused by children from divorced families. **D.** Children are encouraged to meet their separate parents. **5.** The word "**equivalent**" in paragraph 2 is closest in meaning to \_\_\_\_. A. comparable **B.** opposed **C.** dissimilar D. constrasting **6.** The word "manageable" in paragraph 3 is closest in meaning to \_\_\_\_. A. difficult **B.** challenging **C.** demanding D. easy **7.** The word "**this**" in the paragraph 3 refers to \_\_\_\_. A. getting divorced B. minimizing conflict **C.** causing problems to kids **D.** maintaining bonds **8.** According to the writer, the future of American family life can be \_\_\_\_. A. positive B. negative **C.** unchanged **D.** unpredictable Ex 33. Read the passage and choose the best answer to each of the following questions. The generation gap between the parents and the children is due to the fact that the parents have experienced real life and whatever they have learned from personal experiences becomes a true knowledge for them. Suppose that they have succeeded in life by following a path, they may want their children to follow the same path for success. For example, if they have worked very hard in studies and got a good government job. they may advice their children to do the same for a having a good life as them. This also happens in other dimensions. The parents tend to treat their personal experiences as **universal** knowledge, which is false. What work for one person may not work for any other person because people have different talents and aptitudes. Moreover, the times have changed in the new generation and now a number of new avenues and challenges have come about which your parents have no idea or experience. The children have no experience of the real life, hence they take a fresh look of everything in life. They may be guided by the experiences of their parents but they are also guided by the experiences of other people and by their own desires, talents and aptitudes. They want to experiment with their life and discover their own path. However, parents love their children so much that they don't want them to suffer failure. They want them to be safe by following their path which is tested by them. This difference of opinion gives rise to the so-called generation gap. 1. What is the reason of the generation gap mentioned in the passage? A. The parents assume that their personal experience in real life is true for them. B. The parents want their children to get a good government job **C.** The parents succeeded in life by following a path. **D.** The parents give wrong advices to their children. 2. The word "**universal**" in line 6 means A. deserving respect, admiration, or support B. existing everywhere or involving everyone

**D.** necessary or of great value

C. clealy very much better than what is usual

D. Both A and C are correct.

A. Because people have different talents and aptitudes.

**C.** Because times have changed in different generations.

3. Why is treating personal knowledge as universal knowledge not reasonable?

B. Because people gain knowledge from different contexts and apply it in different fields.

- 4. According to the passage, which factor does not guide the children in life?
- A. Their own desires, talents and aptitudes.
- **B.** Their parents' experiences.

C. Their own real life experiences.

**D.** The experiences of other people.

- or their own rear me experiences.
- 5. What do the children want to do?
- **A.** They want to suffer failure.
- **B.** They want to be safe by following the path tested by their parents.
- C. They want to experiment with their life and discover their own path.
- **D.** They want their parents to love them so much.

### Ex 34. Read the passage and decide whether the statements are True (T) or False (F).

A generation gap refers to the chasm that separates the thoughts expressed by members of two different generations. More specifically, a generation gap can be used to describe the differences in actions, beliefs, and tastes exhibited by members of younger generations, versus older ones.

The subjects at hand may be vast and varied but can include politics, values, and pop culture. While generation gaps have been prevalent throughout all periods of history, the breadth of differences of these gaps has widened in the 20th and 21st centuries.

Generation gaps play big roles in businesses because, in order to succeed, companies must find ways to balance the needs and views of individuals from different age groups. Businesses must be cognizant of the fact that changing demographics of their client base, including the typical genders of their patrons, can drastically affect their business cycles and bottom lines.

The term "generation gap" was first used in the 1960s. During that time, the younger generation in question—commonly referred to as "baby boomers"—showed a significant difference in their beliefs and opinions, compared to that of their parents' generation.

Sociologists use nomenclature to refer to different generational segments. For example, millennials, which are those individuals born between 1982 and 2002, are called "technology natives" because they have lived with digital technology their entire lives, and this is all they've ever known.

By contrast, older generational members, known as "digital immigrants," tend to be less comfortable with personal usage of technology. Consequently, technology companies market products differently to each group.

	TRUE	FALSE
1. Generation gap can be used to describe the differences in actions, beliefs, and tastes.		
2. The breadth of differences of generation gaps remains unchanged in the 20th and 21st		
centuries.		
3. Changing demographics of the client base affects slightly bottom lines		
4. During the 1960s, the younger generation had different beliefs and opinions compared their		
parents.		
5. Individuals born between 1982 and 2002 are called "baby boomers".		
6. Older generational members don't feel comfortable with personal usage of technology		

**KEY** 

1. T

2. F

3. F

4. T

5. F

**6.T**